

# KINH ĐẠI PHƯƠNG TIÊN PHẬT BẢO AN

## QUYỂN THỨ SÁU

-----

### PHẨM ƯU BA LY THỨ TÁM

KHI bấy giờ đại chúng vây quanh Đức Thế Tôn, cúng dàng cung kính, tôn trọng tán thán.

Lúc đó Ngài A Nan nhận thấy trong tâm mọi người đều có điểm ngờ vực, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, bạch Phật rằng :

- Bạch Thế Tôn, tại sao Thế Tôn lại nhận cho Ưu Ba Ly, là người hạ tiện, theo Phật xuất gia ? Việc đó làm nhục nhã cho hàng đệ tử Phật và khiến cho các dòng Vương tôn quý tộc sinh lòng bất kính, do vậy mà tổn mất phúc điền, và cũng

**khiến cho con Vua Bạch Tịnh là Nan Đà Tỷ Khưu sinh lòng khinh mạn ?**

**Phật bảo Ngài A Nan và đại chúng rằng : "Các ông nghe cho kỹ ! Các ông có thể nói Như Lai không có lòng bình đẳng, không có tâm đại bi, không có năm trí, không có chính định, nhưng các ông không được nói rằng Ưu Ba Ly là người hạ tiện, tu tập hạnh hạ tiện, nguyện hạ tiện và tinh tiến hạ tiện. Các ông có thể nói, Như Lai còn phiền não, thay đổi không thường, nhưng các ông không được nói Ưu Ba Ly là người hạ tiện đi xuất gia".**

**"Như Lai dùng cái trí biến khắp, chân chính mà nói những lời chân thật, vậy các ông nên tin theo lời Phật. Như Lai khi thấy rõ được sự sinh tử là tai họa mà một mình giác ngộ thành Phật, thì Ưu Ba Ly cũng**

theo Phật xuất gia, chứng được tam minh, lục thông và đầy đủ tám món giải thoát, các chúng cõi trời, cõi người đều sinh lòng ngưỡng mộ. Ưu Ba Ly là người giữ luật vào bậc nhất, hộ trì chính pháp xứng đáng lãnh nhận sự cúng dàng, khiến cho chúng sinh thành tựu được ba thứ diệu quả, nghĩa là : quả báo ở đời này, đời sau và nhiều kiếp về sau nữa. Bởi thế, các ông nên biết, Ưu Ba Ly là một vị đại bi Bồ Tát, tu hạnh vi diệu. Ở những kiếp quá khứ xa xưa, trong giáo pháp của Phật Thích Ca Mâu Ni, Ưu Ba Ly cũng là người trì luật thứ nhất".

Khi nghe Phật tán thán mật hạnh của Ngài Ưu Ba Ly, Nan Đà Tử Khư mới khởi tâm cung kính, liền đứng dậy đến lễ Ngài Đại Kiều Trần Như và lần lượt lễ các vị đệ tử khác. Nhưng khi

đến Ngài Ưu Ba Ly thì Nan Đà chỉ cúi đầu, rồi ngẩng lên và chấp tay đứng nhìn mà thôi. Lúc đó, Đức Như Lai vì Nan Đà nói bài kệ rằng :

Nan Đà, người nên biết,  
Chớ khinh người nghèo cùng.  
Đừng cậy mình giàu sang,  
Xuất gia không phân biệt.

Nan Đà nghe Phật chỉ dạy cho những điều lợi lạc, sinh lòng vui mừng, liền sửa lại y phục, rồi cúi đầu lễ chân Ngài Ưu Ba Ly. Lúc ấy trời đất đều rung động. Nan Đà thấy mình khoan khoái, nhẹ nhàng tức thì chứng được đạo quả A La Hán mà vào địa vị của bậc vô học vậy.

Bấy giờ Phật bảo Ngài Ưu Ba Ly rằng : "Ông hãy thuyết pháp, nói rõ sự sai khác về Tam Bảo, pháp Tứ Đế, về tại

gia, xuất gia, về thất chúng... nghĩa là ông hãy nói rõ về Tam Quy, Ngũ Giới cho đến hết thảy các giới, về giới làm lợi ích chúng sinh, giới diệt trừ phiền não, giới điều trị thân tâm, giới thuyên định, và giới vô lậu v.v... để làm cho ngôi Tam Bảo được hưng vượng.

Bấy giờ ngài Ưu Ba Ly bạch Phật rằng : "Bạch Thế Tôn, nhờ sức uy thần của Như Lai tiếp dẫn, hộ niệm, con xin hỏi Thế Tôn một vài điều không hiểu".

Nói xong, Ngài tự suy nghĩ : Thế nào là Tam Bảo ? Phật, Pháp và Tăng ? Tam Bảo nếu không có bản chất thì làm thế nào phân biệt mà nói được ? Pháp Tăng cũng khác nhau, vậy nếu quy y Tam Bảo thì phụng hành thế nào ? Còn Tam Quy nếu chỉ là một thì không thể nói có ba, nếu nói Tam Quy thì

tại sao lại có thất chúng khác nhau ?

Tự suy nghĩ thế rồi, Ngài Ưu Ba Ly mới bạch Phật rằng :  
"Bạch Thế Tôn, nương nhờ về đâu gọi là quy y Phật ?"

Khi ấy Đấng Đại giác Thế Tôn bảo Ngài Ưu Ba Ly rằng :  
"Phật là người đã giác ngộ, thấu suốt cả hai phần "tính" và "tướng" của hết thấy các pháp. Lại nữa tất cả chúng sinh đang mê man trong ba cõi, Phật đã được đạo nhân, tự mình đã thức tỉnh, lại thức tỉnh cho chúng sinh còn mê man kia, bởi thế mới gọi là Giác. Phật đã thấu suốt hết thấy mọi pháp và có thể thuyết minh tất cả các Pháp."

Ngài Ưu Ba Ly hỏi Phật :

- Thế nào gọi là Phật thuyết hết thấy các pháp ? Phật tùy thời cơ, thích ứng với chúng

hội mà thuyết, chỉ thuyết cho từng nhóm người thôi ?

**Phật đáp :**

- Phật theo căn tính của chúng sinh và tùy thời cơ mà thuyết các pháp. Sau này các đệ tử kết tập pháp tạng sẽ chia ra từng bộ loại một. Khi Phật thành đạo, vì các đệ tử mà nói ra giới luật, có giới khinh giới trọng, hữu tàn và vô tàn, kết tập thành Luật Tạng. Khi Như Lai nói về nhân quả, tội phúc, các món ràng buộc, phiền não và các nghiệp thân, khẩu, ý thì kết thành Luận Tạng. Như Lai vì trời, người, tùy thời có thuyết pháp để khuyên họ tu tập, nói ra bộ Tăng Nhất A Hàm. Sau lại vì những chúng sinh thông minh, nói các pháp cao sâu, gọi là Trung A Hàm, để cho những người có lợi căn theo đó mà tu tập. Sau nữa, nói các

phép tọa thiền cho những người tu thiền định học tập, nên mới thành bộ Tạng A Hàm. Sau hết, vì phá trừ tà kiến, ngoại đạo mà nói ra bộ Trường A Hàm. Tất cả bốn bộ loại đó, sau kết tập thành Kinh Tạng.

Ngài Ưu Ba Ly hỏi :

- Nếu Phật đã nói hết thấy các pháp, thì tại sao một hôm Phật ngồi dưới gốc cây, bóc một nắm lá mà hỏi các đệ tử là lá trong tay Phật nhiều hơn hay lá trên cây nhiều hơn ? Các đệ tử đều trả lời là lá trên cây nhiều hơn. Lúc đó Phật bảo các đệ tử rằng tất cả các pháp Phật đã thấu suốt cũng nhiều như là lá trên cây. Còn các pháp Phật đã nói chỉ là lá trong bàn tay mà thôi. Vậy làm sao có thể nói là Phật đã thuyết hết thấy pháp ?

Phật trả lời :



- Hết thấy các pháp đều có "biệt tướng" và "tổng tướng". Như Lai nói đã thuyết hết thấy các pháp là nói về phần "biệt tướng" chứ không phải "tổng tướng". Không phải Như Lai không nói được phần "tổng tướng" đâu, nhưng nếu Như Lai nói phần "tổng tướng" thì chúng sinh không thể lãnh hội được. Các ông nên biết Như Lai đã thấu suốt hết thấy pháp, nhưng mới chỉ nói về phần "biệt tướng" của các pháp chứ chưa nói đến phần "tổng tướng".

Ngài Ưu Ba Ly hỏi :

- Nếu Phật biết mà có thể nói được, thì các vị Thanh văn, Duyên Giác, căn cứ vào chỗ hiểu biết, cũng có thể nói được. Vậy tại sao các vị đó không thể xưng là Phật được ?

Phật đáp :

- Không thể được. Là vì Phật biết và nói được đầy đủ cả hai phần "tính", "tướng" của các pháp, còn các vị Thanh văn, Duyên Giác, tuy cũng biết và nói được, nhưng không thể nói hết "tính", "tướng" của mọi pháp. Lại nữa, Phật hiểu thấu và có thể đặt tên cho các pháp, nhưng Thanh Văn, Duyên Giác không thể làm được. Lại nữa, Phật chứng được vô biên pháp và có thể nói mãi không cùng, nhưng Nhị Thừa không thể được. Lại nữa, có pháp "cộng" và "bất cộng" cái mà Nhị Thừa được thì Phật cũng có, nhưng cái mà Phật có thì Nhị Thừa chưa được. Cái mà Thanh Văn đã chứng được thì Tam Thừa đều biết ; cái mà Duyên Giác đã chứng được thì Thanh Văn và Bồ Tát cũng đều biết. Nhưng cái mà Phật đã chứng thì Nhị Thừa không thể biết được, chỉ

Phật tự biết mà thôi. Lại nữa, tráp lớn thì nắp phải lớn, pháp lớn thì pháp tướng cũng vô cùng. Cái trí của Phật là cái trí không có bờ bến, cho nên Phật mới có thể thấu suốt và thuyết minh được hết thảy các pháp, còn trí của Nhị Thừa là cái trí có hạn, nên Nhị Thừa không thể thấu suốt được "tính", "tướng" của hết thảy pháp. Lại nữa, Phật đã chứng được cái trí biết như thực, nghĩa là đối với "tính", "tướng", của các pháp, Phật đều hiểu rõ như thực, Nhị Thừa hiểu các pháp chưa được hoàn toàn chưa thấu suốt đến căn nguyên của "tính" và "tướng", bởi thế không thể nói là đã chứng được trí biết như thực. Căn cứ vào những nghĩa nói trên, nên biết Nhị Thừa không thể xưng là Phật. Hơn nữa, chữ Phật không thể dùng tiếng mà truyền được, cũng

không thể lấy nghĩa mà hiểu được. Còn thế nào gọi là Thế Tôn ? Là người có thể biết hết các pháp đối trị vậy. Lại nữa, ở thế gian ngôn ngữ bất đồng, nên người đời không hiểu được nhau, mà Phật thì hiểu biết tất cả, nên gọi Phật là Thế Tôn. Lại nữa, như Lạc Tử Khư nói, Nhị Thừa phạm phu tự nói đã chứng được các pháp, hoặc ưa nơi tính mệnh, hoặc thích thiên định, hay các pháp khác, nhưng giữ bí mật. Phật thì không thế, Phật chứng được các pháp, đều rủ lòng từ bi mà nói cho người khác nghe. Lại nữa, vì Phật đã diệt trừ được tham, sân và si, nên gọi là Thế Tôn.

Ngài Ưu Ba Ly hỏi :

- Nhị thừa cũng đã phá trừ được tham, sân, si, tại sao lại không thể xưng là Thế Tôn ?

Phật trả lời :

- Không thể được, vì Nhị Thừa đối với tâm đại thừa còn có khi thoái chuyển, Phật thì không bao giờ thoái chuyển. Thoái chuyển có ba : một là, đã chứng quả mà còn thoái chuyển ; hai là, chưa chứng quả mà đã thoái chuyển ; ba là, đã đến chỗ ứng dụng mà còn thoái chuyển.

Đã chứng quả mà thoái chuyển là nói ngôi Thanh Văn đã chứng được quả thứ ba mà còn có khi thoái chuyển. Chỉ có quả thứ tư là quả A La Hán thì mới không còn thoái chuyển. Còn như Trung Thừa, nếu đã tu tập đủ trăm kiếp, đã thấu suốt được mười hai nhân duyên, thành Bích Chi Phật, cũng không còn thoái chuyển nữa. Nhưng nếu là Hạ Thừa, chứng quả thứ ba, mà thành Bích Chi Phật, thì vẫn còn

thoái chuyển. Còn như Phật đã chứng quả rồi, thì không bao giờ thoái chuyển nữa.

Chưa chứng quả mà thoái chuyển là nói những người Tam Thừa, chưa chứng được quả mà đã thoái chuyển ; nếu tu ba nghiệp của Tỷ Khưu mà lười biếng, hoặc tu tập các pháp, không chăm chỉ, thì gọi là chưa chứng quả đã thoái chuyển vậy.

Đã tới chỗ ứng dụng mà còn thoái chuyển là nói những người đã chứng được các pháp, mà không ứng dụng hiện tiền, như thập lực của Phật và mười trí của Tiểu Thừa, mà chỉ ứng dụng một ; hay phải tụng mười vạn lời kinh, mà không tụng, đều gọi là đã đến chỗ ứng dụng mà thoái chuyển vậy. Thanh Văn chưa chứng quả mà thoái chuyển ; Duyên Giác và Độc Giác cũng có khi chưa chứng

quả mà thoái chuyển, nhưng Phật thì không bao giờ thế. Đối với tất cả hạnh tu tập, không bao giờ Phật biếng nhác. Nhị Thừa đã đến chỗ ứng dụng mà còn thoái chuyển, chứ Phật thì lại không nhất định. Như trong mười lực mà chỉ dùng một, bỏ chín, nên gọi là thoái chuyển. Hoặc như tụng hai mươi vạn lời kinh, mà người phàm sức yếu, phải tụng một, hai ngày mới xong, nhưng Phật có thể tụng xong ngay. Thập lực cũng vậy, dùng là dùng liền, không bị ngăn ngại. Cho nên Phật không có sự không dùng mà bỏ. Như người mặc áo. Nê hoàn tăng không phải thời không mặc, không như người thế gian. Bất cứ làm việc gì đều vì lợi ích của chúng sinh mà làm. Việc gì có lợi thì làm, không có lợi thì bỏ, chứ không phải không làm được, bởi thế Phật không có sự

không dùng mà thoái chuyển. Tuy Phật hiểu suốt các pháp mà nói không nhất định là vì ý Phật sâu xa, không thể nghĩ lường được.

Ngài Ưu Ba Ly hỏi :

- Tại sao Thanh Văn đã chứng đến quả A Na Hàm còn thoái chuyển ? Nhưng chứng quả A La Hán thì không thoái chuyển ?

Phật đáp :

- Quả A Na Hàm đã từng được, cho nên thoái chuyển, còn quả A La Hán thì chưa từng được, cho nên không thoái chuyển.

Cũng như người đang đói mà được ăn cỗ ngon, không bao giờ quên, ý nghĩa quả A La Hán cũng vậy. Lại nữa, A La Hán lấy nhẫn nhục làm đạo vô ngại, lấy trí tuệ làm đạo giải thoát, còn A Na Hàm lấy trí tuệ làm đạo vô ngại và cũng lấy trí tuệ làm đạo



giải thoát, cho nên còn thoái chuyển. Lại nữa, A La Hán lấy sự hiểu biết như thực làm đạo, cho nên không thoái chuyển, còn A Na Hàm thì lấy tư duy làm đạo, cho nên còn thoái chuyển. A Na Hàm vì còn phải diệt hết vọng tưởng và trừ sạch tham, sân, si, ái, tà kiến, vô minh, nên còn bị tư duy bức bách. Nhưng A La Hán thì tìm hiểu đạo như thực, nên không bị bức bách, vì đạo như thực không có bức bách. Thấy rõ được phần "vọng" tức thấy lý "chân". Như không cần tư duy, nên không bị bức bách và vì thế không thoái chuyển vậy.

Lại nữa, cái trí tìm hiểu của A La Hán lớn mạnh, như rường cột, chống đỡ mọi vật, nên không thoái ; còn cái trí tư duy của A Na Hàm nhỏ, yếu, cho nên còn thoái.

Lại nữa, A La Hán dùng tâm nhẫn nhục và trí tuệ để diệt trừ chín phẩm tư hoặc ở dục giới, bảy mươi hai phẩm kết phọc ở sắc giới, cho nên không còn thoái chuyển. Căn cứ vào các nghĩa nói trên, nên biết Nhị Thừa không thể xưng là Thế Tôn, mà chỉ có Phật mới được xưng Thế Tôn mà thôi.

Lại nữa, Phật đã dứt hết tập khí, nhưng Nhị Thừa chưa đoạn hết. Chẳng hạn như Ngưu Ty Tỷ Khưu thường nhai như trâu, là vì năm trăm kiếp trước phải đọa làm kiếp trâu, bây giờ mới được làm người, nhưng cái tập khí nhai như trâu vẫn chưa hết. Hoặc như vị Tỷ khưu kia, tuy đã chứng quả A La Hán, nhưng thường thích soi gương, là vì những kiếp trước phải làm thân kỹ nữ.

Lại như một vị Tỷ khưu kia, thường hay bám lấy bao lơn mà đánh đu, nhẩy, nhót, là vì những kiếp trước, đọa làm loài khỉ vậy. Bởi thế Nhị Thừa không được xưng là Thế Tôn.

Ngài Ưu Ba Ly hỏi :

- Phàm đầu các kinh thường có câu : "Chính tôi được nghe..." là lời của A Nan nói khi Phật còn ở đời thuyết pháp, ông được nghe như vậy. Nhưng hai mươi năm sau khi Phật thành đạo, A Nan mới theo Phật xuất gia. Như vậy, trong hai mươi năm Phật thuyết pháp, A Nan không được nghe. Thế mà, tại sao sau khi Phật nhập Niết Bàn, lúc kết tập Pháp Tạng, lại nói : "Chính tôi được nghe...".

Phật trả lời :

- Khi A Nan theo Như Lai xuất gia, có xin bốn điều như sau :

**"Điều thứ nhất, xin Phật đừng cho con áo cũ của Phật ;**

**"Điều thứ hai, xin Phật đừng bảo người khác mời con đi phó trai ; con vì cầu pháp, vì cung kính Phật mà theo hầu bốn bên Phật, chứ không phải vì cơm "áo".**

**"Điều thứ ba, sớm tối, các vị Tỷ khư muốn được thấy Phật thì cứ việc vào, chứ con không phải vào bạch trước.**

**"Điều thứ tư, trong hai mươi năm Phật thuyết pháp, con không được nghe, xin Phật nói lại hết cho con nghe".**

**Theo điều nguyện thứ tư, Như Lai phải truyền chư Thiên nói lại cho A Nan nghe. Cũng có khi Như Lai dùng tâm Tam muội truyền cho A Nan ; cũng có khi A Nan nghe lại từ các vị Tỷ Khư khác.**

**Ngài Ưu Ba Ly lại hỏi :**

**- Phật thuyết pháp trong hai mươi năm, làm thế nào có thể nói lại hết được ?**

**Phật đáp :**

**- Như Lai dùng cái trí phương tiện thiện xảo, cho nên trong một câu, có thể diễn ra vô lượng pháp, và trong Vô lượng pháp, có thể chỉ tóm tắt trong một câu. Nhờ lợi căn, Phật chỉ nói qua giềng mối của tám vạn pháp là A Nan thông hiểu hết cả.**

**Như một cái cây, gồm có gốc, thân cây và cành, lá, gọi là một cây, Phật vì chúng sinh, trước sau nói pháp, gọi là một Tạng, như thế gọi là tám vạn pháp. Lại nói, Phật ngồi ở một nơi nói pháp, gọi là một Tạng, như thế là tám vạn pháp. Lại như mười sáu chữ, là nửa bài kệ, ba mươi hai chữ là một bài kệ, như thế**

cũng gọi là tám vạn pháp. Lại như một bài kệ dài hay ngắn, có bốn mươi hai chữ, cũng là một bài kệ, như thế cũng gọi là tám vạn pháp. Lại như nửa tháng một lần tụng giới, cũng gọi là một Tạng, như thế cũng là tám vạn pháp. Lại như Phật tự nói ra sáu vạn, sáu nghìn bài kệ, cũng là một Tạng và như thế cũng gọi là tám vạn pháp. Lại như Phật nói, có tám vạn trần lao, thì có tám vạn pháp tạng để đối trị, cho nên gọi là tám vạn pháp tạng.

Ngài Ưu Ba Ly lại hỏi :

- Tại sao Kinh, Luận không lấy Phật làm đầu, mà chỉ có Luật Tạng là lấy Phật làm đầu ?

Phật trả lời :

- Vì Luật là hơn hết, và chỉ có Phật mới chế ra Luật mà thôi. Còn trong Kinh cũng có khi các đệ tử thuyết pháp, cũng có khi

Thiên, Long, Bát Bộ do Phật hỏi mà nói pháp, chẳng hạn như Thích Đề Hoàn Nhân tự nói rằng bố thí là đệ nhất, vì ông đã nhờ công đức bố thí mà được làm Vua cõi Trời, được mọi điều như ý, và Phật cũng cho như thế là phải. Lại cũng có khi Phật hóa thành các vị Hóa Phật thuyết pháp. Nhưng Luật thì không thế : hết thấy luật nghi, đều do Phật thuyết, vì thế nên lấy Phật làm đầu.

Lại nữa, Kinh thì tùy nơi thuyết pháp mà có quyết định, luật thì không thế. Nếu phạm luật trong nhà, thì không được kết tội ngay, mà phải ra ngoài để kết tội. Nếu ở nhà người bạch y, làm điều gì phạm luật, phải ra trước chúng tăng để buộc tội ; nếu ở trong làng xóm mà phạm luật, cũng phải ra trước chúng tăng để buộc tội ;

nếu trong năm chúng xuất gia mà làm điều phạm luật, thì phải ra trước các tử khưu, tử khưu ni mà buộc tội, bởi thế cho nên lấy Phật làm đầu.

Ngài Ưu Ba Ly hỏi :

- Tam Quy lấy gì làm tính ?

Phật trả lời :

- Tam Quy lấy chỗ người khác dạy làm tính, hoặc không theo người dạy làm tính. Nghĩa là : khi thụ Tam Quy, quì gối, chấp tay, miệng theo người xướng, mà đọc Tam Quy, thế là cả thân, khẩu đều theo người dạy, bởi vậy gọi là lấy chỗ người dạy làm tính. Nếu dốc lòng chí kính, tự mình xướng hiệu Tam Quy, không theo người khác, thế gọi là lấy chỗ không theo người khác làm tính.

Lại nữa, Tam Quy lấy thân, khẩu, ý, tức tam nghiệp, làm



tính. Hoặc Tam Quy là Ngũ âm thiện ; lấy ngũ âm thiện của chúng sinh làm Tam Quy, lấy Tam Bảo làm chỗ sở quy, sở quy là nói theo nghĩa cứu hộ. Ví như người có tội đối với nhà Vua, chạy sang nước khác để cầu cứu. Vua nước ấy nói : "Nếu nhà ngươi muốn được che chở, thì không được ra khỏi nước ta, và không được trái lệnh ta". Chúng sinh cũng vậy, vốn thuộc dòng ma, có tội sinh tử, quay về Tam Bảo để cầu sự cứu hộ. Nếu thành tâm tin tưởng nơi Tam Bảo, không tin chỗ khác, không trái lời Phật dạy, thì Ma Vương tà ác chẳng làm gì được.

Trước có một con chim bồ câu bị một con chim cắt đuổi, bay đến núp sau bóng Ngài Xá Lợi Phất, nhưng vẫn thấy sợ hãi. Sau nó bay đến núp bóng Như Lai, thì thấy thản nhiên, không

sợ ; dù cho bể lớn có thể rời đi, nhưng con chim đó thì bất động. Sở dĩ thế, là vì Phật có đức đại từ, đại bi, còn Ngài Xá Lợi Phất chưa có được lòng đại từ bi; Phật đã hết tập khí, nhưng Ngài Xá Lợi Phất vẫn còn. Phật đã tu hạnh Bồ Tát trong ba A Tăng kỳ kiếp, Ngài Xá Lợi Phất mới tu tập khổ hạnh trong sáu mươi kiếp. Do đó, chim câu núp bóng Ngài Xá Lợi Phất, vẫn còn sợ hãi, mà núp bóng Phật thì thản nhiên không sợ vậy.

Ngài Ưu Ba Ly hỏi :

- Nếu nói quy y Tam Bảo thì diệt trừ được tội ác, lòng được yên vui, thì sao Đề Bà Đạt Đa cũng quy y Tam Bảo, tín tâm xuất gia, thụ giới cụ túc, mà còn phạm tội tam nghịch, đến nỗi phải đọa vào địa ngục A Tỳ ?

**Phật đáp :**

- Nói cứu hộ là cứu những người còn có thể cứu được mà thôi. Tội ác của Đề Bà Đạt Đa quá sâu nặng, hơn nữa, lại vì định nghiệp nên khó cứu nổi.

**Ngài Ưu Ba Ly hỏi :**

- Nếu người tội nặng mà Phật không thể cứu được, thì người không có tội, không cần Phật cứu. Vậy tại sao lại nói Tam Bảo có sức cứu hộ ?

**Phật đáp :**

- Đề Bà Đạt Đa tuy quy y Tam Bảo, nhưng tâm không thành thật, không đủ Tam Quy, thường ham danh lợi, tự cho mình là người hiểu biết hết thảy, cạnh tranh với Phật, cho nên Tam Bảo dù có sức lớn, cũng không thể cứu nổi. Như A Xà Thế Vương, tuy phạm tội nghịch, đáng phải đọa vào địa

ngục A Tỳ, nhưng nhờ lòng chí thành, biết cầu Phật ăn năn, nên giảm tội A Tỳ, chỉ phải đọa vào địa ngục hắc thẳng, cũng như những tội nhân khác, chỉ trong bảy ngày, đều được thoát tội. Đó là nhờ sức cứu độ của Tam Bảo vậy.

Ngài Ưu Ba Ly lại hỏi :

- Nếu tội của Đè Bà Đạt Đa không thể cứu được, thì tại sao có Kinh nói : "Nếu người nào quy y Phật, không phải sa vào ba đường ác", là nghĩa gì ?

Phật trả lời :

- Nhờ có quy y Tam Bảo nên dù phải vào địa ngục A Tỳ, nhưng Đè Bà Đạt Đa cũng bớt được phần khổ cực, và cũng có lúc được tạm nghỉ. Lại như có người ở trong rừng núi, hay chỗ hoang vắng đáng sợ, nếu họ tưởng niệm đến công đức của Phật, thì sự rùng rợn sẽ tiêu

tan. Như thế thì sự quy y Tam Bảo không phải là vô ích vậy.

Ngài Ưu Ba Ly hỏi :

- Trong Tứ Đế, thì Tam Bảo thay thế cho Đế nào ? Trong hai mươi căn, Tam Bảo thay cho căn nào ? Trong mười tám giới, Tam Bảo thay cho Giới nào ? Trong mười hai Nhập, Tam Bảo thay cho Nhập nào ? Trong năm Ấm Tam Bảo thay cho Ấm nào ?

Phật đáp :

- Trong Tứ Đế thì Tam Bảo thay cho Diệt Đế và một phần Đạo Đế. Trong hai mươi hai Căn, Tam Bảo thay cho ba Căn, tức là Căn chưa biết, Căn biết rồi và Căn muốn biết. Trong mười tám Giới, Tam Bảo thay cho Ý Căn Giới, Ý Thức Giới và Pháp Trần Giới. Trong mười hai Nhập, Tam Bảo thay cho Ý Nhập và Pháp Nhập. Trong năm Ấm, Tam Bảo thay cho năm Ấm vô lậu.

Trong Tứ Đế, Phật Bảo thay cho một phần Đạo Đế, Pháp Bảo thay cho Diệt Đế và Tăng Bảo cũng thay cho một phần Đạo Đế. Trong hai mươi hai Căn, Phật Bảo thay cho Căn muốn biết ; Pháp Bảo vì là Diệt Đế vô vi, nên không thay cho căn nào. Còn Tăng Bảo thay cho ba căn vô lậu. Trong mười tám Giới, Phật Bảo thay cho một phần Ý Căn Giới, Ý Thức Giới và Pháp Trần Giới ; Pháp Bảo thay cho một phần Pháp Trần Giới ; Tăng Bảo thay cho một phần Ý Căn Giới, Ý Thức Giới và Pháp Trần Giới. Trong mười hai Nhập, Phật Bảo thay cho một phần Ý Căn Nhập và Pháp trần Nhập ; Pháp Bảo thay cho một phần Pháp trần Nhập, Tăng Bảo cũng thay một phần Ý Căn Nhập và Pháp trần Nhập. Trong năm Ấm, Phật Bảo thay cho một phần năm Ấm vô lậu, Pháp Bảo

thì không thay cho năm Ấm, vì năm Ấm thuộc về Hữu vi, còn Pháp Bảo thuộc về Vô vi. Tăng Bảo thay cho một phần năm Ấm vô lậu.

- Quy y Phật là quy y Phật Thích Ca Văn hay quy y Phật cả ba đời ? Phật trả lời :

- Quy y Phật ba đời, vì Pháp thân của Phật cùng một thể, cho nên quy y một đức Phật tức là quy y chư Phật ở ba đời vậy.

Ngài Ưu Ba Ly hỏi :

- Nếu nói quy y chư Phật ba đời, thì tại sao các người cõi Trời, mỗi người đều tự xưng là đệ tử của một đức Phật trong bảy vị Phật. Chẳng hạn, người thì nhận mình là đệ tử của Phật Ca Diếp, người thì nhận mình là đệ tử Phật Câu Lưu Tôn v.v... Như vậy, thì chỉ nên nói là quy y một đức Phật, chứ không nên nói là quy y chư Phật ba đời.

**Phật trả lời :**

- Không nên nói thế. Vì sao ?  
 Vì trong Kinh Tỳ Sa Môn nói :  
 "Tỳ Sa Môn Thiên Vương quy y Tam Bảo, là quy y chư Phật ở quá khứ, hiện tại và vị lai".  
 Theo nghĩa đó thì phải nói là quy y chư Phật ba đời.

**Ưu Ba Ly hỏi :**

- Nếu thế thì như các người cõi trời kia, đều tự nhận mình là đệ tử của một đức Phật, nghĩa là sao ?

**Phật đáp :**

- Không thể căn cứ vào lời chư thiên nói mà cho là nghĩa nhất định được. Chư thiên nhận là quy y một đức Phật, nhưng thật ra thì quy y chư Phật ở ba đời, song chỉ lấy một vị Phật đã xuất thế để chứng minh thôi.

**Ưu Ba Ly hỏi :**



- Quy hướng vào đâu gọi là quy y Phật ?

Phật đáp :

- Quy y Phật nghĩa là quay về với cái bản tính chân như, đầy đủ trí tuệ công đức của mình.

Ưu Ba Ly hỏi :

- Như vậy thì quy y sắc thân hay quy y pháp thân ?

Phật trả lời :

- Quy y pháp thân chứ không quy y sắc thân. Đừng tưởng sắc thân là Phật ; nó chỉ là cái thân hư vọng mà thôi.

Ưu Ba Ly hỏi :

- Nếu sắc thân là hư vọng, không phải Phật, thì tại sao Đề Bà Đạt Đa làm cho thân Phật chảy máu, lại mắc tội nghịch ?

Phật trả lời :

- Sắc thân tuy là giả dối, nhưng là chỗ sở y của Pháp

thân, nghĩa là pháp thân phải nương tựa vào sắc thân ; cho nên làm hại sắc thân tức là làm hại thân Phật, vì thế mà phạm tội nghịch vậy.

Ưu Ba Ly hỏi :

- Nương tựa vào đâu gọi là quy y Pháp ? Phật đáp :

- Đoạn trừ hết thấy dục vọng để hướng về Niết Bàn, thế gọi là quy y Pháp.

Ưu Ba Ly hỏi :

- Như thế thì quy y cái vô dục của chính mình hay quy y cái vô dục của người khác ?

Phật trả lời :

- Quy y cả cái vô dục của mình và cái vô dục của người, gọi là quy y Pháp.

Ưu Ba Ly hỏi :

- Quy y Tăng là quy y vào đâu ?

Phật đáp :

- Quy y Tăng là hướng về ruộng phúc tốt lành, nghĩa là hướng tới quả vị Thanh Văn hữu học, và vô học đầy đủ công đức vậy. Thế gọi là quy y Tăng.

Ưu Ba Ly hỏi :

- Thế thì quy y Tục Đế Tăng hay quy y Đệ Nhất Nghĩa Tăng ? Nếu quy y Đệ Nhất Nghĩa Tăng, thì vì lẽ gì khi Phật thụ Tam Quy cho hai người lái buôn là Đề Vị và Ba Lợi, Phật lại dặn họ : "Sau này có Tăng, các người phải nên quy y." Sao Phật không nói : "Đệ nhất nghĩa Tăng thường ở thế gian, các người phải nên quy y ? "

Phật trả lời :

- Vì Tục Đế Tăng là chỗ sở y của Đệ Nhất nghĩa Tăng, cho nên Như Lai mới nói sau này có Tăng, họ phải quy y. Và Như Lai nói thế cũng là vì muốn tôn trọng Tục Đế Tăng vậy.

**Ngài Ưu Ba Ly hỏi :**

**- Phật cũng là Pháp, Pháp cũng là Pháp, mà Tăng cũng là Pháp, như thế là chỉ có một Pháp, chứ có chi sai khác ?**

**Phật trả lời :**

**- Tuy là một Pháp, nhưng theo nghĩa mà nói thì có khác nhau. Chẳng hạn, nói về Tam Bảo thì Vô Sư Trí, quả vị Vô học và hết thấy công đức là Phật Bảo ; Diệt Đế vô vi là Pháp Bảo, công đức, trí tuệ của quả vị Thanh Văn hữu học và vô học là Tăng Bảo.**

**Nói về Pháp, thì trí vô sư và pháp vô học là Phật Bảo ; Diệt Đế vô vi, không phải pháp hữu học, cũng không phải pháp vô học, là Pháp Bảo, Thanh Văn hữu học và Vô học là Tăng Bảo. Nói về căn thì Phật là Căn vô tri, Pháp thì không căn, Tăng là ba Căn vô lậu. Nói về Tứ Đế thì**

Phật là Đạo Đế, Pháp là Diệt Đế, Tăng là một phần Đạo Đế. Nói về quả Sa Môn, thì Phật là Sa Môn, Pháp là quả Sa Môn, Tăng cũng là Sa Môn. Nói về Bà La Môn thì Phật là Bà La Môn, Pháp là quả Bà La Môn, Tăng cũng là quả Bà La Môn. Nói về Phạm Hạnh thì Phật là Phạm Hạnh, Pháp cũng là Phạm Hạnh quả, Tăng cũng là Phạm Hạnh. Nói về Nhân quả thì Phật là Nhân, Pháp Bảo là quả, Tăng là Nhân, Pháp Bảo cũng là quả. Nói về Đạo quả thì Phật là Đạo, Pháp Bảo là quả, Tăng là Đạo, Pháp Bảo cũng là quả. Phật lấy Pháp làm thầy, Phật do Pháp sinh ra, Pháp là mẹ của Phật, Phật nương vào Pháp mà trụ.

Ưu Ba Ly hỏi :

- Phật lấy Pháp làm thầy vậy tại sao trong Tam Bảo lại không xưng Pháp trước ?

**Phật đáp :**

- Pháp tuy là thầy, nhưng nếu không có Phật thì Pháp không được mở rộng, bởi thế thường nói : "Đạo do người mở mang", cho nên Phật đứng đầu Tam Bảo là thế.

Lúc bấy giờ Ngài Ưu Ba Ly lại hỏi Phật rằng : "Bạch Thế Tôn, nếu khi thụ Tam Quy, xưng Pháp Bảo trước rồi sau mới xưng Phật, có được không " ?

**Phật trả lời :**

- Nếu người không hiểu biết, đọc không theo thứ tự, họ không mắc tội, cũng thành Tam Quy được. Nhưng nếu người hiểu biết, mà cố tình đọc sai thứ lớp thì phải mắc tội và không thể thành được Tam Quy.

**Ưu Ba Ly hỏi :**

- Nếu chỉ xưng Phật và Pháp, mà không xưng Tăng, có thành

Tam Quy không ? Hoặc xưng Pháp và Tăng mà không xưng Phật, có thành Tam Quy không ? Hay chỉ xưng Phật và Tăng mà không xưng Pháp, có thành Tam Quy không ?

Phật đáp :

- Tất cả đều không thành Tam Quy, vì không đủ Tam Bảo.

Ưu Ba Ly hỏi :

- Nếu không thụ Tam Quy mà thụ ngay ngũ giới, có được không ? Hoặc không thụ Tam Quy mà thụ ngay Bát giới, có thành không ? Hay không thụ Tam Quy có được thụ Thập giới không ? Nếu không bạch Tứ Yết Ma, có được thụ giới Cụ Túc không ? Phật trả lời :

- Hết thấy đều không được. Nếu muốn thụ ngũ giới, trước phải thụ Tam Quy. Thụ Tam Quy xong, mới được thụ ngũ

giới. Sở dĩ phải nói tên của năm giới, là vì muốn cho người thụ biết rõ tên các giới, cũng như bạch bốn lần Yết Ma rồi mới được thụ giới Cụ Túc. Còn phải nói đến bốn y, bốn đọa và mười ba tăng tàn, cũng là vì muốn cho người thụ giới biết rõ vậy. Thụ Tam Quy xong, nói đến giới sát, v.v... bấy giờ mới được giới. Nếu một giới giữ được thì năm giới cũng có thể giữ được, bởi thế nói một giới mà gồm được cả năm giới. Hơn nữa, trong năm giới phân biệt rõ ràng, nên tự ý phát nguyện thụ cả năm giới. Nói thụ năm giới rồi sau được giới, song trong tất cả thuyết nói trên, đều nên phải thụ Tam Quy rồi mới thụ ngũ giới, như thế mới đúng nghĩa.

Ưu Ba Ly hỏi :

- Như một người Ưu Bà Tắc, trước đã thụ Tam Quy rồi sau



nếu muốn thụ năm giới, tám giới hoặc mười giới, thì có cần phải thụ lại Tam Quy nữa không ?

**Phật đáp :**

- Không cần phải thụ Tam Quy nữa cũng được các giới, vì trước đã thụ Tam Quy rồi.

**Ưu Ba Ly hỏi :**

- Nếu trước không thụ Tam Quy mà bạch ngay Tứ Yết Ma, thì có được giới Cụ Túc không ?

**Phật đáp :**

- Nếu thụ năm giới, tám giới và mười giới, thì trước cần phải thụ Tam Quy rồi sau mới thụ các giới đó, thì mới thành giới. Nhưng nếu thụ giới Cụ Túc thì cần phải bạch Tứ Yết Ma mới thành được giới, chứ không cần phải thụ Tam Quy trước. Là vì công đức của giới Cụ túc rất sâu dầy, nếu không nhờ nhiều duyên sức khác thì không

thành được giới. Cho nên Tam Quy không đủ mà phải có ba vị Hòa Thượng và bảy vị tôn chứng, bạch Tứ Yết Ma mới thành được giới Cụ Túc vậy. Còn như năm giới, tám giới và mười giới ít công đức, cho nên, nếu thụ Tam Quy là được thành giới, không cần nhiều duyên sức khác như giới Cụ Túc.

Ưu Ba Ly hỏi :

- Tại sao khi thụ giới Cụ Túc rồi chỉ nói đến bốn tội và mười ba tội tăng tàn, mà không nói đến các giới khác.

Phật đáp :

- Hai đoạn giới này là những giới nặng nhất, nếu phạm một giới, khó trở lại thanh tịnh được. Tuy có thể trở lại thanh tịnh được nhưng cách sám hối rất khó. Người phạm giới này phải hành pháp Ba Lợi Bà Sa và Ma Na Đỏa, sau phải đối trước

hai mươi vị Tăng mà sám hối mới được thanh tịnh. Những giới đó rất khó giữ, còn các giới khác thì dễ giữ, cho nên không cần nói. Bởi thế chỉ nói đến hai đoạn Tứ đọa và Thập Tam Tăng Tàn, mà không nói đến những đoạn khác.

Ưu Ba Ly hỏi :

- Giới Ba La Đề Mộc Xoa này là Vô lậu giới hay Thiên giới ?

Phật đáp :

- Không phải Vô lậu giới, cũng không phải Thiên giới. Nếu có Phật ra đời thì mới có giới Ba La Đề Mộc Xoa, nếu không có Phật ra đời thì không có. Nhưng Thiên giới và Vô lậu giới, thì dù có Phật ra đời hay không, lúc nào cũng có cả. Giới Ba La Đề Mộc Xoa phải do người dạy, còn Thiên Giới và Vô Lậu giới không do người dạy. Giới Ba La Đề Mộc Xoa phải có người

truyền, còn Thiên giới và Vô lậu giới không cần người truyền. Bất luận lúc ngủ hay thức, tâm thiện, tâm ác, hay tâm không thiện, không ác, lúc nào cũng có giới Ba La Đề Mộc Xoa, nhưng Thiên giới và Vô lậu giới thì chỉ trong tâm Thiên định và tâm vô lậu mới có, ngoài ra trong các tâm vọng niệm thì không có. Giới Ba La Đề Mộc Xoa chỉ ở cõi người mới có, nhưng Thiên giới và Vô lậu giới thì cả cõi người và cõi trời đều có. Giới Ba La Đề Mộc Xoa chỉ có ở cõi Dục, còn giới Vô lậu và Thiên giới thì ở cõi Dục cũng như cõi Sắc, đều thành tựu cả. Giới Ba La Đề Mộc Xoa chỉ đệ tử Phật mới có, nhưng Thiên giới thì không những đệ tử Phật mới có, mà cả đệ tử của ngoại đạo cũng có.

Ưu Ba Ly hỏi :

- Trong năm giới của Ưu Bà Tắc, thì giới nào là tính tội, giới nào là tội cấm ?

Phật trả lời :

- Bốn giới : sát sinh, trộm cắp, tà dâm và nói dối là tính tội, còn giới uống rượu là tội cấm. Vì uống rượu mà có thể phạm bốn giới kia, cho nên đặt thành giới thứ năm. Uống rượu là nguồn gốc của sự buông lung, đông dờ, có thể dễ phạm vào bốn giới khác. Như trong thời đức Phật Ca Diếp, có một người Ưu Bà Tắc, vì say rượu mà phạm gian với vợ người khác, bắt gà của người ta mà giết, đến khi người ta hỏi tại sao, thì lại chối là không làm gì cả. Vì say rượu, có thể trong một lúc phá cả bốn giới. Lại vì say rượu, có thể gây nên bốn tội nghịch nữa, duy có tội phá hòa hợp Tăng là không thể gây

được mà thôi. Tuy không phải là túc nghiệp, nhưng vẫn phải chịu quả báo cuồng loạn, vì uống rượu, nên tâm hồn trở nên mê man, rối loạn, cũng như người điên. Lại cũng vì say rượu mà bỏ mất chính nghiệp, như : ngồi thiền, tụng kinh hoặc giúp đỡ công việc trong chúng. Do đó, uống rượu tuy không phải là tính tội, nhưng cũng không khác gì tính tội.

Ngài Ưu Bà Ly lại hỏi Phật rằng :

- Trong năm giới của Ưu Bà Tắc thì chỉ đối với chúng sinh mới là giới cấm, không được phạm, hay đối với các loài không phải là chúng sinh, như Thiên, Long, Quỷ, Thần v.v... cũng là giới cấm không được phạm ? Lại nữa, đối với chúng sinh có thể giết hại, có thể

trộm cướp, có thể tà dâm, có thể nói dối, thì mới là giới cấm, không được phạm. Còn đối với Thiên, Long, Quỷ thần, không phải là chúng sinh, không thể sát hại, không thể trộm cướp, không thể tà dâm, không thể nói dối, cũng là giới cấm, không được phạm sao ?

Phật trả lời :

- Đối với chúng sinh, thì có bốn giới đầu, đối với loài không phải là chúng sinh, thì có giới cấm thứ năm. Nhưng, nếu nói rộng ra, thì dù chúng sinh có thể giết hại, không thể giết hại, có thể trộm cướp, không thể trộm cướp, có thể tà dâm, không thể tà dâm, có thể nói dối, không thể nói dối, hết thảy đều có giới cấm, không được phạm. Dưới từ địa ngục A Tỳ, trên từ cõi trời Phi Phi Tưởng, và trong ba ngàn đại thiên thế

giới, cho đến Như Lai, hết thảy mọi loài có sinh mệnh, đều có giới cấm, không được phạm, vì ngay lúc thụ giới, tất cả đều không được sát hại, không được trộm cướp, không được tà dâm, không được nói dối. Bởi vậy, hết thảy chúng sinh đều có giới cấm. Cho nên, phạm thụ giới pháp, trước phải nói các giới cho người ta nghe, chỉ bày, giải thích cho người ta hiểu, để lượng sức mình xem có lãnh thụ được không, nếu được họ sẽ sinh lòng khao khát, do đó mới phát tâm tinh tiến mà tu trì.

Còn phép thụ giới, thì tất cả chúng sinh đều có bốn giới, và bốn giới này lại khác nhau, nên thành mười hai giới. Chẳng hạn, không được giết hại, không được trộm cướp, không được tà dâm, không được nói dối, mà nếu phạm vào



bốn giới đó, đều do ba cơ : một là vì tham, hai là vì sân ; ba là vì si. Như vậy thì ai ai cũng có mười hai điều ác và nếu làm trái lại với mười hai điều ác ấy, thì thành được mười hai giới thiện. Hết thấy mọi loài chúng sinh đều như thế, ví thử một trăm vạn hay ngàn vạn vị A La Hán được vào Niết Bàn, thì từ vị La Hán đầu tiên cho đến vị La Hán cuối cùng, đều do công đức trì giới mà được thành tựu đạo quả. Nhưng đừng tưởng rằng các vị La Hán đã chứng quả thì các giới cũng không còn nữa đâu. Chẳng hạn đã thụ giới "không uống rượu" thì trọn đời không uống rượu, vì khi thụ giới đã phát nguyện, dù khắp trong ba nghìn thế giới có các thứ rượu, cũng không bao giờ uống nữa. Giả sử không còn ai làm rượu chẳng nữa, thì giới đó vẫn

thường được trì, mà không bị bỏ mất vậy.

Ngài Ưu Ba Ly hỏi :

- Một người trước khi thụ giới, đối với hết thấy nữ nhân, không phạm giới dâm, nhưng sau lại lấy vợ, thì có phạm giới dâm không ?

Phật đáp :

- Không phạm. Là vì đối với tất cả nữ nhân, không được tà dâm, nhưng đây là vợ mình, thì không phải tà dâm, nên không phạm giới đó. Lấy nghĩa ấy mà suy ra, thì tất cả đều thế. Tám giới, mười giới, chúng sinh hay Thiên Long, Quỷ thần, được giới cũng thế. Trong hai trăm năm mươi giới, thì hết thấy chúng sinh đều được bảy giới.

Trong bảy giới này, phân biệt về nghĩa, thì có hai mươi một giới. Thí dụ : chúng sinh nào

thân tạo ba điều ác, và miệng tạo bốn, thành bảy điều ác, thì khi tạo những điều ác đó phải có đủ ba yếu tố : một là vì tham, hai là vì sân và ba là vì si mà tạo. Do ba yếu tố đó mà gây nên bảy điều ác, cho nên ba bảy thành hai mươi một giới ác. Nếu làm trái lại hai mươi một giới ác ấy thì thành được hai mươi một giới thiện. Một chúng sinh được hai mươi một giới tướng như thế thì hết thấy chúng sinh khác cũng vậy. Lấy đó mà suy, thì trong một lúc có thể được vô lượng giới, nhưng không thể phạm hết các giới trong một lúc, song có thể xả tất cả giới trong một lúc.

Nói về phép phá giới, nếu phá bốn giới nặng, thì kể như mất giới, nếu phá giới rồi, sau lại thụ lại, cũng không được giới. Chẳng hạn như đã phá

một giới nặng trong Bát trai giới, sau lại thụ tám giới, năm giới, mười giới, hoặc hai trăm năm mươi giới, thiên giới và giới vô lậu, hết thấy đều không được. Nếu trong năm giới mà phá hết bốn giới nặng rồi, sau có thụ tám giới, mười giới, giới Cụ túc, giới vô lậu hay thiên giới, đều không thành giới. Nếu phá cả năm giới rồi, muốn xả năm giới để thụ mười giới, thì lại không thể được nữa. Nếu đã phá và xả năm giới, tám giới, mười giới, Cụ túc giới, vô lậu giới và thiên giới, hết thấy đều không được. Nếu đã phá những giới nặng trong mười giới và giới Cụ túc, muốn được giới lại nên mới xả giới để thụ lại, thì cũng như trong năm giới đã nói ở trên, nghĩa là không được.

Ngài Ưu Ba Ly hỏi :

- Thiên giới, Vô lậu giới và Ba La Đề Mộc Xoa, trong ba giới đó thì giới nào hơn hết ?

Phật đáp :

- Ba La Đề Mộc Xoa hơn hết. Là vì nếu Phật có ra đời thì mới có giới này còn hiền giới và vô lậu giới thì thời nào cũng có. Chỉ có loài người mới được thụ trì Ba La Đề Mộc Xoa giới, còn thiên giới và vô lậu giới thì người cũng như Trời đều được cả. Đối với hết thấy chúng sinh, phải sinh lòng thương xót, mới được thụ Ba La Đề Mộc Xoa giới, còn thiên giới và vô lậu giới thì không do lòng từ bi cũng được. Sở dĩ duy trì được Phật pháp, là nhờ có Thất chúng, đạo quả Tam Thừa còn mãi ở thế gian, không bao giờ dứt, đều là nhờ lấy Ba La Đề Mộc Xoa làm gốc. Thiên giới, vô lậu giới thì không thế, cho nên

trong ba cõi Ba La Đề Mộc Xoa giới tôn quý hơn hết.

Khi sắp thụ giới, bạch Tứ Yết Ma rồi, là giới tướng đã thành tựu. Một mối nghĩ về giới tướng lúc ban đầu gọi là thiện nghiệp, cũng gọi là đạo nghiệp. Nhưng nếu có một niệm ban đầu rồi, sau mới sinh giới tướng, thì chỉ là thiện nghiệp thôi, chứ chưa phải là đạo nghiệp. Là vì một niệm về giới tướng lúc đầu, có đầy đủ hai phần "tư" và "nguyện" và vì thế nên gọi là "Tư" đạo nghiệp. Trước lấy giới làm nhân, sau giới tướng tự nhiên phát sinh, cho nên gọi là thiện nghiệp mà không phải là đạo nghiệp. Chẳng hạn như một niệm về giới đầu tiên, có "giới tướng", "giới tính" rồi sau lần lượt sinh ra các giới, nhưng chỉ có giới tính mà không có giới tướng, cho nên một niệm về giới

lúc đầu, cũng gọi là giới, cũng gọi là hạnh lành, hoặc gọi là luật nghi. Sau đó, các giới tiếp tục phát sinh, thì cũng theo nghĩa ấy.

Ưu Ba Ly lại hỏi Phật :

- Trong ba đời, thì đời nào được giới ?

Phật trả lời :

- Ở hiện tại, chỉ một niệm là được giới, còn quá khứ và vị lai là pháp, chứ không phải chúng sinh, cho nên không được giới, hiện tại một niệm là chúng sinh, cho nên được giới.

Ưu Ba Ly hỏi :

- Vậy thì ở trong tâm thiện mà được giới, hay trong tâm bất thiện, hoặc trong tâm vô ký, hay trong cái vô tâm mà được giới ?

Phật đáp :

- Trong hết thấy các thứ tâm ấy đều được cả. Trước hết phải lấy thiện tâm mà làm lễ Tăng, thỉnh cầu thầy Hòa Thượng, xin thụ đại giới, quỳ gối chấp tay, bạch Tứ Yết Ma xong, thiện tâm vẫn tiếp tục, đến khi giới tướng được thành tựu, như thế gọi là trong thiện tâm mà được giới. Nếu lúc đầu lần lượt theo các pháp, thường sinh thiện tâm mà nghe lời truyền giới, nhưng đến khi bạch Tứ Yết Ma, thì lại phát khởi tâm tham dục, tâm sân hận và các niệm bất thiện, nếu trong lúc ấy, mà thành tựu các giới tướng, thì gọi là trong tâm bất thiện mà được giới, là vì phải nhờ sức thiện tâm mới được giới chứ không phải nhờ sức tâm bất thiện vậy. Nếu lúc đầu, lấy thiện tâm mà nghe lời giảng dạy về giới luật, nhưng khi bạch Tứ Yết Ma lại buồn ngủ, và nếu trong lúc ngủ ấy mà



sinh các giới tướng, thì gọi là trong tâm vô ký mà được giới. Nếu lúc đầu lấy tâm thiện mà nghe lời truyền giới, nhưng đến khi bạch Tứ Yết Ma lại vào định Diệt Tận, nếu ngay lúc đó mà thành tựu các giới tướng, thì gọi là trong cái vô tâm mà được giới vậy.

Ngài Ưu Ba Ly lại hỏi Phật :

- Nếu người tại gia không thụ năm giới mà khi xuất gia, thụ ngay mười giới như thế có thành giới không ?

Phật trả lời :

- Nếu như thế thì một lúc được hai loại giới : được giới Ưu Bà Tắc và được giới Sa Di. Nếu không thụ năm giới, mười giới, mà thụ ngay hai trăm năm mươi giới, thì một lúc được ba loại giới.

Ưu Ba Ly lại hỏi :

- Nếu thụ hai trăm năm mươi giới mà đồng thời được ba loại giới, thì hà tất phải theo thứ lớp trước thụ năm giới, kế thụ mười giới rồi mới thụ hai trăm năm mươi giới ?

Phật đáp :

- Tuy có thể đồng thời được ba loại giới đấy, nhưng muốn được thấm nhuần Phật pháp, tất phải theo thứ lớp, trước thụ năm giới để điều phục lấy mình, khiến cho lòng tin tăng dần, kế thụ mười giới rồi, thiện căn càng lại thêm sâu, sau mới thụ hai trăm năm mươi giới. Nếu theo thứ lớp như thế, thì thâm nhiễm được Phật pháp, lòng tin vững bền, khó có thể thoái chuyển, cũng như đi vào bể lớn, dần dần tới chỗ thật sâu, vào bể Phật pháp, cũng lại như thế. Nếu một lúc mà thụ ngay hai trăm

năm mươi giới, thì không những đã mất thứ lớp mà lại còn phá uy nghi nữa. Hơn nữa, cũng có người chỉ thụ giới mà được đạo quả, cũng có người do thụ mười giới mà được đạo quả. Bởi những sự khác nhau ấy, cho nên Như Lai mới đặt ra thứ tự. Nếu trước thụ năm giới, kế thụ mười giới, thì trong lúc thụ mười giới cũng thành tựu hai loại giới, nghĩa là năm giới, và mười giới. Thụ mười giới rồi, sau thụ đến hai trăm năm mươi giới, thì trong lúc thụ hai trăm năm mươi giới, cũng thành tựu được ba loại giới, nghĩa là ngũ giới, thập giới, và Cụ túc giới. Như trong phép thụ giới của bảy chúng, thì duy chỉ có giới bạch Tứ Yết Ma là phải lần lượt ba thời mới được giới, còn sáu chúng khác thì chỉ thụ một thời cũng được giới chứ không

cần phải theo thứ lớp ba thời. Nếu một lúc thụ được ba loại giới, khi muốn xả giới, nếu nói rằng : "Tôi là Sa Di, không phải Tỷ khưu", thì mất giới Cụ Túc, chỉ còn hai loại giới. nghĩa là ngũ giới và thập giới. Nếu nói rằng : "Tôi là Ưu Bà Tắc không phải Sa Di", thì mất mười giới, chỉ còn năm giới. Nếu nói rằng : "Tôi xả hết các giới tại gia, xuất gia. Tôi chỉ là người Ưu Bà Tắc Quy y mà thôi", thì đồng thời mất hết ba loại giới, nhưng Tam Quy vẫn còn.

Ngài Ưu Ba Ly hỏi :

- Nếu khi thụ giới, theo thứ lớp được ba loại giới, thì khi xả giới cũng phải theo thứ tự : chẳng hạn trước đã thụ giới Ưu Bà Tắc, sau xuất gia thụ thập giới, có phải xả ngũ giới, trước không ?

**Phật trả lời :**

- Không phải xả, chỉ mất danh Ưu Bà Tắc và tại gia, chứ không mất ngũ giới. Mất danh Ưu Bà Tắc, được danh Sa Di, mất thứ lớp tại gia, được thứ lớp xuất gia.

**Ưu Ba Ly hỏi :**

- Sa Di khi thụ giới Cự túc, có mất thập giới và ngũ giới không ?

**Phật đáp :**

- Chỉ mất danh và thứ lớp, chứ không mất giới. Mất danh Sa Di, được danh Tỷ Khưu ; mất thứ lớp Sa Di, được thứ lớp Tỷ Khưu, trước, sau vẫn là ba loại giới, nhưng tùy thời mà thay đổi tên gọi. Cũng như lá cây, mùa xuân, mùa hạ thì xanh, mùa thu thì vàng, mùa đông thì trắng, màu sắc có khác những lá cây vẫn một. Giới cũng như

thế, thường là một giới, nhưng tùy thời mà có những tên gọi khác nhau. Hay cũng như sữa, để lâu thành váng sữa và sau thành sữa đặc, tùy thời có khác, nhưng vẫn là sữa. Giới cũng vậy, tuy có ba loại khác nhau, nhưng giới vẫn là một.

Ưu Ba Ly lại hỏi Phật rằng :

- Phàm thụ giới Ưu Bà Tắc, nếu người không đủ sức thụ cả năm giới, mà chỉ thụ một giới, hai giới hay bốn giới thôi, như thế có được không ?

Phật trả lời :

- Không được.

Ưu Bà Ly lại hỏi :

- Nếu không được, thì tại sao lại có Kinh nói "Thiếu phạm Ưu Bà Tắc", "Đa phạm Ưu Bà Tắc", là thế nào ?

Phật đáp :

- Nói như thế là để minh định cái công đức trì giới nhiều hay ít, chứ không phải nói cái phép thụ giới như thế được.

Ưu Ba Ly lại hỏi Phật :

- Năm giới chỉ thụ trì trong một ngày, hai ngày hay mười ngày, như thế có được không ?

Phật trả lời :

- Không được. Phật đặt ra giới, đều có hạn định, nếu thụ năm giới, phải giữ trọn đời ; nếu thụ tám giới, phải trì một ngày, một đêm, bởi thế không được.

- Phạm giới bạch Tứ Yết ma, đều có thượng, trung, hạ. Năm giới là giới hạ phẩm ; mười giới là giới trung phẩm, hai trăm năm mươi giới là giới thượng phẩm. Trong năm giới, cũng có ba phẩm, nếu phát tâm nhỏ mà thụ giới, thì được giới hạ phẩm ; nếu phát tâm vừa mà

thụ giới, thì được giới trung phẩm ; nếu phát tâm lớn mà thụ giới, thì được giới thượng phẩm ; mười giới, hai trăm năm mươi giới đều có ba phẩm, cũng như trong năm giới nói trên. Nếu phát tâm nhỏ mà được năm giới rồi, sau phát tâm vừa hay tâm lớn mà thụ mười giới, thì trước cũng được năm giới, chứ không thêm, không hơn. Từ giới thứ sáu cho đến giới "Quá giờ không ăn" nghĩa là ngoài năm giới, thì gọi là được "năm giới tăng thượng". Nếu trước phát tâm nhỏ mà được năm giới, thì cũng vẫn được năm giới hạ phẩm mà thôi. Lại như trước phát tâm nhỏ mà thụ năm giới, sau phát tâm vừa và tâm lớn mà thụ hai trăm năm mươi giới, thì trước cũng chỉ được năm giới, không thêm, không hơn. Ngoài năm giới ra, các giới khác cũng thế, nếu khi thụ giới mà tâm



thêm lên, thì được giới tăng thượng. Lấy đó mà suy, thì giới Ba La Đề Mộc Xoa không phải dễ được.

Theo thứ tự mà nói, thì năm giới là hạ phẩm, mười giới là trung phẩm, hai trăm năm mươi giới gọi là thượng phẩm. Theo nghĩa đó mà suy, thì cũng có thể là : Nếu phát tâm lớn mà thụ năm giới, thì được giới thượng phẩm ; nếu phát tâm vừa mà thụ mười giới, thì được giới trung phẩm ; nếu phát tâm nhỏ mà thụ hai trăm năm mươi giới thì được giới hạ phẩm. Căn cứ vào đó thì biết rằng, cứ tùy ở tâm, có lớn, vừa, nhỏ, mà được giới cũng có thượng, trung, hạ không giống nhau, không nhất định vậy.

Nếu thỉnh thầy Hòa Thượng, mà trong lúc thụ mười giới, Hòa thượng không đến, thì cũng

được giới. Nếu trong khi thụ mười giới, mà thầy Hòa Thượng chết, hoặc biết tin đã chết, thì thụ giới không được ; nếu chết mà không biết, thì thụ giới, được giới. Nếu trong lúc bạch Tứ Yết Ma thụ giới Cụ túc, mà thầy Hòa Thượng vắng mặt, thì không được thụ giới ; là vì không đủ tăng số ; nếu đủ tăng số và có người thay mặt cho Hòa Thượng, thì được thụ giới.

Ngài Ưu Ba Ly lại hỏi Phật rằng :

- Người Ưu Bà Tắc thụ năm giới, có được buôn bán không ?

Phật trả lời :

- Được buôn bán, nhưng không được làm năm nghề sau đây :

1. Không được lấy việc buôn bán súc sinh làm nghề nghiệp.

Nếu trước khi thụ giới, nhà có nuôi súc vật, được phép bán

đi, nhưng không được bán cho nhà đồ tể .

2. Không được làm nghề buôn bán cung, tên, dao, kiếm, súng, đạn. Trước khi thụ giới, nếu có các thứ đó, thì được bán đi.

3. Không được làm nghề bán rượu. Trước khi thụ giới, nếu có rượu, thì được đem bán.

4. Không được ép dầu, sát hại côn trùng. Vì cách ép dầu ở nước Thiên Trúc và nước Kế Tân là : giã nhỏ hạt gai, đem chôn xuống đất mấy ngày, khi nào sanh ra nhiều trùng mới đem ra ép, để được nhiều dầu. Nhưng nếu xứ nào không làm theo cách ấy, thì ép dầu không phạm giới.

5. Không được làm nghề nhuộm năm sắc lớn, vì phải giết nhiều sâu bọ. Cách nhuộm màu sắc ở các nước Lạc Sa v.v.... phải giết nhiều côn

trùng bởi thế cấm làm nghề  
nhuộm.

Ưu Ba Ly lại hỏi Phật :

- Phép thụ "Bát quan trai",  
không được ăn quá Ngọ. Nhưng  
không ăn quá Ngọ là giới thứ  
chín, vậy tại sao không nói là  
"Cửu quan trai", mà gọi là "Bát  
quan trai" ?

Phật đáp ;

- Phạm phép ăn chay là lấy  
sự không ăn quá Ngọ làm thế.  
Tám giới cùng giúp đỡ cho  
thành cái "thế" của phép ăn  
chay, gọi là "Trai pháp Bát Chi",  
cho nên nói Tám giới mà không  
gọi là Chín giới vậy.

Ưu Ba Ly hỏi :

- Người thụ Bát quan trai  
giới, trong bảy chúng, họ thuộc  
chúng nào ?

Phật trả lời :

- Tuy không thụ giới trọn đời, nhưng vì họ giữ giới trong một ngày một đêm ; thì cũng có thể gọi là Ưu Bà Tắc.

Ưu Ba Ly lại hỏi :

- Ngoài bảy chúng ra, có giới Ba La Đề Mộc Xoa không ?

Phật đáp :

- Có bát trai giới đó. Lấy đấy mà suy, thì nếu thụ Bát trai giới, không thuộc vào bảy chúng vậy. Phép thụ Bát trai giới, chỉ nói không sát sinh trong một ngày, một đêm thôi, ngoài ra không cấm. Cho nên đừng lầm lẫn với giới tướng trọn đời.

Ưu Ba Ly hỏi :

- Phép thụ Bát trai giới, có được thụ một lúc trong hai ngày, ba ngày cho đến mười ngày không ?

Phật trả lời :

- Phật đã chế ra giới một ngày, một đêm, thì không được quá hạn. Nếu có sức thụ được, thì một ngày xong rồi, lại lần lượt thụ lại, cứ như thế tùy sức nhiều hay ít, chứ đừng tính số ngày. Phạm thụ Bát trai pháp, là phải theo người khác dạy, mới được thụ.

Ưu Ba Ly hỏi :

- Theo người nào mà thụ ?

Phật trả lời :

- Theo người trong năm chúng xuất gia mà thụ. Đã thụ Tám giới, mà đánh đập chúng sinh, thì không được thanh tịnh. Tuy ngay hôm thụ giới, không đánh đập nhưng hôm sau mà đánh đập chúng sinh, cũng không được thanh tịnh. Nói tóm lại, nếu thân, khẩu, ý làm những việc trái uy nghi, tuy không phạm giới, nhưng cũng mất thanh tịnh. Nếu thân, khẩu,

thanh tịnh, nhưng tâm lại khởi lên những ý tưởng tham dục sân hận, và não hại, thì cũng không được thanh tịnh. Nếu thân, khẩu, ý ba nghiệp đều thanh tịnh, nhưng lại không tu sáu niệm, thì cũng mất thanh tịnh. Thụ tám giới rồi, siêng tu sáu niệm, mới được gọi là trai pháp thanh tịnh. Nếu làm đến Vua cõi Diêm Phù Đề, giàu có tự tại, vàng bạc, của báu, không thiếu thứ gì. Tuy có những công đức như thế, nhưng nếu đem chia ra làm mười sáu phần, thì công đức của Vua Diêm Phù Đề không bằng một phần công đức giữ Bát quan trai giới được hoàn toàn thanh tịnh.

Nếu người muốn thụ pháp Bát trai nhưng trước khi thụ, làm những điều phóng túng, như ham mê sắc dục, đàn địch, ca hát, ăn thịt uống rượu và bày

mọi trò vui, phóng tâm làm những việc ấy rồi, sau mới thụ Bát trai giới, như thế bất luận trước sau, đều không thành trai giới. Nếu người trong tâm không định thụ giới Bát trai, mà làm các việc phóng túng ấy, sau gặp thiện tri thức dạy cho, liền thụ Bát trai giới, thì bất luận trước sau, đều thành được trai giới. Nếu người, muốn thụ Bát trai giới, mà gặp nhiều việc khó khăn, chướng ngại, không được tự tại, nhưng sau giải quyết xong các việc khó khăn, rồi thụ Bát trai giới, thì bất luận trước sau, đều thành trai giới.

Ngài Ưu Ba Ly hỏi :

- Nếu người muốn thụ có hạn, thí dụ chỉ thụ trai pháp ban ngày mà không thụ trai pháp ban đêm hoặc chỉ thụ trai pháp ban đêm mà không thụ trai



pháp ban ngày, như thế có được tám giới không ?

Phật trả lời :

- Không được. Là vì Phật đặt ra trai pháp, cho thụ một ngày một đêm đã có hạn định như vậy, không được làm sai.

Ưu Ba Ly hỏi :

- Nếu không được, thì tại sao trong luận Bì Cách nói rằng : "Ưu Nhĩ ở chỗ đồng không mộng quạnh, thường thấy các loài quý đỏi, chịu mọi tội khổ ; hoặc ban ngày hưởng phúc, ban đêm chịu tội. Hoặc ban đêm hưởng phúc, ban ngày phải chịu tội. Sở dĩ như thế, là vì trước kia, khi họ làm người, ban ngày thì thụ giới pháp, ban đêm thì làm việc ác, hoặc ban đêm thì thụ giới pháp, ban ngày lại làm các hạnh chẳng lành", thì nghĩa ấy ra sao ?

Phật đáp :

- Phàm là nhân duyên kiếp trước, thì không thể căn cứ vào lời nói đó được. Luận Bì Cách không phải là Kinh Luật, cho nên không thể căn cứ vào đó để định nghĩa xác thực được. Điều ấy có khi là ông Ca Chiên Diên, vì muốn độ cho Úc Nhĩ, mà biến hiện như thế để hóa độ Úc Nhĩ, chứ không phải sự thực.

Khi thụ trai rồi nếu muốn xả trai, không cần phải cầu năm chúng để xả. Khi muốn ăn, chỉ cần đến nói với một người là hôm nay xả trai, thế là trai đã được xả rồi.

Nếu nói đến năm ngả, thì chỉ có loài người mới được giới Ba La Đề Mộc Xoa, còn bốn ngả khác không được. Chẳng hạn người cõi trời thì đắm đuối ham vui quá nên không được giới. Như trước kia, một hôm vì một đệ tử lâm bệnh, nên Đại Mục

Kiên Liên phải lên cung trời Đao Lợi để tìm thầy thuốc Kỳ Bà xuống chữa. Khi lên tới nơi, thì Mục Liên thấy các người cõi trời đang vui chơi trong vườn Hoan Lạc. Lúc đó Mục Liên dừng lại bên đường, nhưng không ai để ý đến cả. Sau Kỳ Bà ngoảnh lại trông thấy Mục Liên, liền giơ tay chào, rồi cưỡi xe thẳng tới. Mục Liên tự nghĩ : "Người này trước kia vốn là đệ tử của ta. Nay được hưởng phúc báo ở cõi trời, và vì quá đắm say thú vui nên không còn nhớ nữa". Nghĩ xong, liền dùng sức thần thông để chặn xe lại. Kỳ Bà xuống xe, làm lễ Mục Liên. Bấy giờ Mục Liên dùng mọi lời để trách móc. Kỳ Bà thưa rằng : "Bạch Ngài Mục Liên, vì trước kia ở cõi người, tôi vốn là đệ tử của Đại Đức, bởi thế mới giơ tay chào hỏi, chứ Ngài có thấy chư thiên làm như thế không ?

Phàm đã sinh lên cõi trời, tâm người nào cũng đắm theo khoái lạc, không được tự tại, cho nên mới thế".

Bấy giờ, Mục Liên hỏi Kỳ Bà rằng :

- Tôi có người đệ tử lâm bệnh, nên chữa theo cách nào ?

Kỳ Bà đáp :

- Nên nhịn ăn là tốt hơn hết.

Lại một hôm Mục Liên khuyên Vua Thích Đề Hoàn Nhân, nói rằng : "Phật ra đời khó gặp, tại sao Ngài không luôn luôn gần gũi, để cúng dàng và cầu nghe chính pháp ? "

Vua Đế Thích muốn hiểu ý Ngài Mục Liên, nên sai một người sứ đến. Nhưng gọi hai ba lần mà người này không lại, vì họ có một người vợ và một nàng ca kỹ, ham mê tình dục, nên tuy là người cõi trời, mà không tự

cất dứt được. Nhưng cuối cùng, không thể dừng được mà phải đến. Khi tới nơi, Vua Đế Thích mới hỏi nguyên do tại sao, thì người ấy cứ thực tình mà đáp, nghĩa là vì quá say mê các thú vui, nên không đến ngay được.

Nhân thế, Vua Đế Thích mới bạch Mục Liên rằng : "Người ấy chỉ có một vợ và một nàng ca kỹ, mà còn vui chơi đắm đuối, không tự dứt được, huống nữa là Vua Cõi Trời, có rất nhiều cung điện, vô số thiên nữ, các món thiên thực, trăm mùi thơm ngon, trăm nghìn ca kỹ, ham mê, đắm đuối, nhìn về phía đông, quên mất phía tây, thì tự dứt sao được ? Cho nên tuy biết rằng Phật ra đời khó được gặp, chính pháp khó được nghe, nhưng vì các thú vui trói buộc, mất hết tự tại, biết làm sao được ?"

Phàm phép thụ giới, là phải dùng cái tâm dững mãnh, thề cắt đứt mọi duyên, sau mới được giới. Các người ở cõi Trời, lòng ham đắm dục lạc thì nhiều, sức thiện tâm lại yếu ớt, thì do đâu mà được giới ? Các loài ngã quý thì đói khát khổ sở, thân tâm bị thiêu đốt; các loài ở địa ngục thì chịu mọi sự hình phạt, đau đớn ê chề, tâm ý não loạn, cũng không nhờ đâu mà được giới. Còn các loài súc sinh thì nghiệp chướng sâu dày, ngu si dốt nát, không hiểu, không biết, nên cũng không thể thụ được giới. Tuy có chỗ Tịnh nói là Rồng cũng thụ Trai pháp, nhưng đó chỉ nói về thiện tâm, nghĩa là thụ tám giới trong một ngày một đêm thì được công đức thiện tâm, chứ không được tám giới, là vì nghiệp chướng vậy.

Nếu nói về bốn thiên hạ, thì chỉ có ba thiên hạ là Diêm Phù Đề, Câu Gia Ni, Phất Bà Đề và những người trên Hải Châu, khoảng giữa ba thiên hạ, là được giới pháp. Như ở châu Câu Gia Ni, thì Phật sai Tân Đầu Lư đến để truyền bá đạo pháp, thành lập bốn bộ chúng. Ở châu Phất Bà Đề cũng có Tỷ Khư thi hành Phật sự, và cũng có bốn bộ chúng. Duy chỉ có Bắc Câu Lư châu là không có Phật pháp, và dĩ nhiên là không có giới. Vì ở đây phúc báo sung sướng quá, và con người lại ngu si, nên không lãnh thụ được Phật pháp.

Lại nữa, có bốn hạng người là : con trai, con gái, hoàng môn, và nhị căn. Trong bốn hạng ấy, chỉ có hai hạng : con trai, con gái là được giới, còn hai hạng kia, là hoàng môn và

nhị căn, thì không được giới. Nhưng trong những hạng con trai và con gái, nếu người nào giết cha mẹ, giết A La Hán, làm cho thân Phật chảy máu, phá hoại chúng tăng, làm như Tỷ Khưu ni, dứt hết căn lành, và những kẻ giả mạo làm tăng, những kẻ không thể độ, tất cả những người như thế đều không được giới.

Nói rộng ra thì phạm đã mền chuộng Phật Pháp, bất luận là Trời, Rồng, quỷ thần, hay Bắc Câu Lư châu, hoặc hoàng môn, nhị căn, tất cả những loài phi nhân ấy, đều được thụ Tam Quy vậy.

Ưu Ba Ly hỏi :

- Chư Phật ba đời, độ cho chúng sinh được thụ giới đều nhau hay hơn kém nhau ?

Phật đáp :



- Không đều. Phàm nói đến giới, thì chỉ có các loài chúng sinh và phi chúng sinh mới được giới mà một vị Phật ra đời, độ cho vô số A tăng kỳ chúng sinh, vào cõi Vô dư Niết Bàn. Đến đức Phật sau ra đời, thì hết thấy các chúng sinh ấy đều không được giới. Như thế đủ biết, chư Phật chỗ được giới, đều không giống nhau. Chẳng hạn, như Phật Ca Diếp, độ cho vô số A Tăng kỳ chúng sinh, vào cõi Vô dư Niết Bàn và Ngài cho hết thấy chúng sinh đó đều được giới. Nhưng đến Phật Thích Ca Văn, thì những chúng sinh ấy đều không được giới.

Song hết thấy chư Phật đều có ba việc như nhau : một là chữa góp công hạnh như nhau. Hai là pháp thân như nhau. Ba là độ chúng sinh như nhau. Hết thấy chư Phật đều đã tu

hạnh Bồ Tát qua ba A tăng kỳ kiếp, đều đã đầy đủ "năm phần pháp thân", "mười lực", "Tứ vô sở úy", "mười tám pháp bất cộng", và cũng đã độ cho vô số A Tăng kỳ chúng sinh vào cõi Vô dư Niết Bàn.

Ưu Ba Ly hỏi :

- Trong kinh thường nói, một đức Phật ra đời, độ cho chín mươi na do tha chúng sinh vào vô dư Niết Bàn, nay lại nói vô số A tăng kỳ chúng sinh, là nghĩa thế nào ?

Phật trả lời :

- Trong kinh nói, một Phật ra đời, độ chín mươi na do tha chúng sinh, là chỉ nói nhờ Phật mà từng ấy chúng sinh được độ. Còn có những chúng sinh, hoặc nhờ Phật mà được độ, hoặc nhờ các đệ tử của Phật mà được độ, hay nhờ giáo pháp của Phật mà được độ. Cho nên nói chín mươi

na do tha chúng sinh là chỉ do nhờ chính Phật mà được độ. Nói tóm lại, hoặc nhờ Phật, nhờ đệ tử hay nhờ giáo pháp mà vô số A tăng kỳ chúng sinh đã được độ vào cõi Vô dư Niết Bàn. Chư Phật ba đời đều có ba việc giống nhau, nhưng cách độ sinh đặc giới thì khác nhau vậy.

Ưu Ba Ly hỏi :

- Các loài chúng sinh và phi chúng sinh đều được thụ ác luật nghi giới không ?

Phật đáp :

- Chỉ có chúng sinh mới được thụ ác luật nghi giới, còn phi chúng sinh không được thụ. Nói một cách khác, chỉ có các loài có thể giết hại, được thụ ác giới, còn loài không thể giết hại, thì không được thụ, nhưng cũng có thể nói, chúng sinh hay sát hại hay chúng sinh không thể giết, đều được thụ ác giới.

**Chẳng hạn, như người đồ tể giết dê, thường mang lòng giết chóc, ý lúc nào cũng nghĩ đến việc giết dê, giả sử có người ở cõi nhân hay cõi thiên, không làm nghề giết chóc, nhưng vì phải lưu chuyển trong vòng thụ sinh, cũng có khi phải đọa làm kiếp dê. Cho nên hết thảy chúng sinh đều có thể thụ ác giới. Trong mười hai ác luật nghi cũng vậy.**

**Mười hai ác luật nghi là :**

- 1. Nghề đồ tể**
- 2. Nghề bán nem**
- 3. Nghề nuôi heo**
- 4. Nuôi gà**
- 5. Bắt cá**
- 6. Săn bắn**
- 7. Bẫy chim**
- 8. Bắt rắn**
- 9. Bẫy rồng**

10. Làm nghề coi ngục

11. Làm giặc

12. Làm nghề đánh giặc mướn

Đó là mười hai nghề Ác luật nghi. Như người làm nghề nuôi tằm cũng là người không xa là được Ác luật nghi.

Có ba thời xả Ác Luật nghi giới : một là lúc chết ; hai là lúc thụ luật nghi giới ; ba là lúc thụ Tam Quy. Thời thứ nhất bỏ được Ác giới ; thời thứ hai và thứ ba thì được Thiện giới.

Ưu Ba Ly hỏi :

- Khi người ta làm Ác giới, thì lúc nào xả thiện giới mà được ác giới ?

Phật đáp :

- Lần đầu tiên nói : "Tôi là người đồ tể", thì bỏ mất thiện giới. Lần thứ hai, thứ ba nói : "Tôi là người đồ tể", liền được

ác giới. Nói cách khác, tùy lúc bỏ thiện giới mà được ác giới. Nếu người tu thiện giới, tuy chưa nói mình là đồ tể, nhưng vì tham lợi, cùng với đồ tể làm việc giết hại, thì lúc ấy cũng phạm thiện giới rồi. Muốn bỏ thiện giới mà cầu ác giới, thì chỉ tự mình phát thệ là được, chứ không cần theo người khác dạy cho. Nếu muốn thụ Ác luật nghi giới trong một ngày, một đêm, cho đến mười ngày, hoặc một năm, hai năm cứ tùy theo chỗ tâm mình muốn lâu hay chóng, thì đều được cả, là vì các pháp Ác thuận theo dòng sinh tử, cho nên cứ tùy theo việc làm là được, chứ không như thiện luật nghi giới.

# KINH ĐẠI PHƯƠNG TIỆN PHẬT BẢO AN

## QUYỂN THỨ BẢY

-----

### PHẨM THÂN CẬN THỨ CHÍN

**PHẬT** nói : Các bậc đại Bồ Tát biết ơn, báo ơn, tu các phương tiện, làm lợi ích chúng sinh, phải nên tùy thời thích nghi mà hiển bày Phật pháp. Bấy giờ Phật bảo các vị Bồ Tát rằng :

- Này các thiện nam tử ! Cách đây đã lâu, có một vị Phật ra đời, hiệu là Vô Úy Vương, Như Lai, Ứng Cúng, Chính Biến Tri, Minh Hành Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn. Ngài ra đời để tiếp dẫn cho những kẻ có

duyên với Phật pháp, và khi độ hết những người có duyên rồi Ngài liền vào Niết Bàn.

Sau khi Ngài nhập diệt, trong thời Chính Pháp, có người Bà La Môn, hết sức thông minh, thụ trì năm giới, ủng hộ Phật pháp. Một hôm người Bà La Môn, nhân có duyên sự, phải đi đến một nước khác, mà con đường này, lại có nhiều giặc cướp. Cùng đi với người Bà La Môn, còn có năm trăm người nữa. Khi đến quãng đường khó khăn, họ liền tạm trú lại. Nơi đây thường có một bọn cướp gồm năm trăm người, ẩn núp để cướp giết những khách bộ hành. Khi thấy bọn người Bà La Môn dừng lại, tên tướng cướp liền mật sai một người đi dò xét rồi hẹn giờ cùng xông ra. Nhưng trong đám cướp ấy lại có một người, trước kia là bạn



thân với người Bà La Môn, và vì chỗ thân thiện, nên mới đến trước báo người Bà La Môn rằng : "Ông bạn nên biết, canh một đêm nay sẽ có cướp đến. Tôi sợ lúc đó lộn xộn, sẽ làm phương tổn đến ông, nên mới đến trước báo cho ông hay. Vậy ông nên tìm cách một mình lánh xa đi, đừng để các bạn ông biết".

Nghe xong, người Bà La Môn nghẹn ngào, đau đớn. Muốn đem việc đó nói cho mọi người đồng hành biết, nhưng lại sợ họ giết hại người kia. Nếu họ giết hại, họ sẽ phải đọa vào ba đường ác, chịu khổ vô cùng. Mà nếu cứ im đi, thì bọn cướp sẽ hại đồng bạn. Nếu bọn cướp giết hại những người đồng hành, chúng cũng sẽ phải sa vào ba ngã ác, chịu các tội khổ. Thật là khó nghĩ ! Sau một lúc phân vân, người Bà La

Môn tự quyết định rằng : "Ta phải dùng phương tiện làm lợi ích cho chúng sinh, dù phải đọa vào ba đường ác, cũng là vì chúng sinh mà chịu khổ, chứ không phải vì bản thân." Nghĩ xong, người Bà La Môn liền cầm dao giết người kia đi, khiến các bạn đồng hành đều được bình an.

Khi ấy, mọi người sửng sốt, đồng thanh hỏi rằng : "Xưa nay, ông vốn là người cao quý, hiền lương, tại sao hôm nay ông lại làm một việc cực ác như vậy ? Lúc đó, người Bà La Môn quỳ gối, chấp tay, lòng sinh hổ thẹn, nói rằng :

- Lẽ ra tôi không được làm ác, nhưng vì lợi ích của chúng sinh, và của các bạn, mà hôm nay tôi phải giết người.

Đồng bạn lại hỏi :

- Ông tự ý giết người, chứ có lợi lạc gì cho chúng tôi đâu ?

**Người Bà La Môn nói :**

- Đây là một tên cướp, định mưu hại các bạn. Vì các bạn mà tôi phải giết y, để các bạn được bình an trở về. Còn tội khổ phải đọa địa ngục, tôi sẽ xin chịu.

Bấy giờ năm trăm người, vừa mừng vừa sợ, đồng thanh nói rằng :

- Ở đời không gì hơn mệnh sống, và không gì đáng sợ hơn cái chết. Thế nên, hết thảy chúng sinh đều sẵn sàng bỏ cả vàng bạc, của báu, cho đến quốc thành, thê tử, hoặc cơm ăn, áo mặc để đổi lấy mệnh sống.

Nói xong, liền tự nghĩ rằng : "Người Bà La Môn này, vì làm lợi ích cho chúng sinh, đã không sợ các nỗi thống khổ trong ba đường dữ. Ngày nay chúng ta nên ghi nhớ trọng ân và sẽ phải báo đền trọng ân ấy." Nghĩ như thế rồi, tất cả đều

**phát tâm Vô Thượng Chính  
Đẳng Chính Giác.**

Trong khi ấy, thì bọn cướp cũng đã đến và đồng thanh nói rằng :

- Xưa nay ông là người cao quý, hiền lương, tại sao có thể làm một việc đại ác như thế này ?

Người Bà La Môn nói :

- Thật tôi không nên làm việc cực ác ấy, nhưng vì lợi ích của chúng sinh, và cũng vì tính mệnh của các ông nữa, mà tôi phải làm.

Bọn cướp lại hỏi :

- Việc ông giết người có lợi ích gì cho chúng tôi ?

Người Bà La Môn bảo bọn cướp :

- Ta đã biết trước là các người hiện ở đây, nhưng ta cứ mặc nhiên, không báo cho nhà

Vua và đồng bạn của ta biết, bởi thế nên tính mệnh của các người mới được toàn vẹn.

Nghe xong, bọn cướp tự nghĩ : "À ra vì thế mà cuộc đời chúng ta được bình an". Nghĩ rồi liền chấp tay nói với người Bà La Môn rằng :

- Quý hóa thay, bậc Đại Sĩ ! Người tu nguyện đại bi. Xin dạy cho chúng tôi biết, chúng tôi phải làm gì để đền đáp ơn cao cả ấy ?

Người Bà La Môn nói :

- Các người muốn trả ơn ta, thì chỉ có cách là : các người hãy cải tà quy chính, làm ăn lương thiện và mau phát tâm Vô thượng Bồ Đề.

Bấy giờ bọn cướp, vì muốn báo ân, liền phát tâm Vô Thượng Chính Đẳng Chính Giác.

Phật bảo ngài A Nan rằng :  
"Bồ Tát siêng tu tinh tiến, muốn trang nghiêm đạo Bồ Đề, muốn đền đáp ơn Phật, thì phải nhớ nghĩ đến hết thảy chúng sinh, như thương nhớ một đứa con vậy. Ông nên biết, người Bà La Môn lúc ấy, có phải là ai khác đâu, chính là Như Lai đây. Nhờ thế mà sau chín kiếp tu hành, Như Lai đã chứng đạo Vô Thượng Chính Đẳng Chính Giác.

Lại nữa, Bồ Tát tu các phương tiện, biết ơn, đền ơn. Khi Như Lai ở Trúc Lâm tinh xá, có một Tỷ Khưu, mắc bệnh lở lói, khắp cả thân thể máu mủ thường chảy, ai cũng sợ hãi, không dám thân gần. Vị Tỷ Khưu này, ở trong một căn phòng dột nát, cách xa đại chúng.

Bấy giờ Như Lai, dùng sức thần thông, che mắt mọi người,

không cho ai biết, Như Lai một mình đến chỗ người Tử Khư có bệnh, trông nom săn sóc, lấy nước rửa ráy.

Nghĩ như thế rồi, Như Lai bèn cho hết thầy chú Thiên ở cõi Dục biết. Đế Thích Đê Hoàn Nhân cùng với trăm nghìn quyến thuộc vây quanh trước sau, đứng giữa không trung, mưa mọi thứ Thiên hoa và khởi các loại Thiên nhạc. Lúc đó Vua cõi trời Đao Lợi nâng một chiếc bình bách phúc trang nghiêm, trong đựng đầy nước đại bi thanh tịnh, đến trước mà dâng Như Lai, cúi đầu đảnh lễ, rồi đứng lại một bên. Như Lai liền giơ cánh tay đầy đủ phúc đức lên, thì ngay lúc ấy, từ năm đầu ngón tay nhỏ bé phóng ra những tia sáng lớn, chiếu khắp các cõi trời. Khi các người cõi trời, theo ánh sáng ấy mà cùng

đến hội họp rồi, Như Lai mới đến chỗ người Tỷ Khư có bệnh. Lúc đến nơi, Như Lai liền phóng ra một luồng hào quang từ đỉnh đầu, chiếu vào người bệnh Tỷ Khư. Khi gặp được ánh sáng ấy, người bệnh Tỷ Khư cảm thấy hết đau đớn, liền ngồi dậy cúi đầu quy mệnh. Lúc đó Như Lai dùng tay phải đỡ lấy nước từ Vua Đế Thích và rửa đầu cho người bệnh Tỷ Khư, còn tay trái thì xoa vuốt mình mấy. Tay Như Lai đưa tới đâu thì những vết lở lói trên mình Tỷ Khư đều khỏi đến đấy. Sau khi bình phục, người Tỷ Khư vui mừng khôn xiết, liền cất tiếng niệm rằng :

- Kính lạy đức Thích Ca Mâu Ni ! Đáng Đại Từ Phụ, Đáng Vô Thượng Y Vương ! Con nay đã hết thân bệnh. Xin Như Lai rủ lòng thương xót, cho con Pháp



được để trừ hết bệnh hoạn của cả thân, tâm.

Bấy giờ Như Lai bảo người bệnh Tỷ Khư rằng : "Như Lai vẫn nhớ trọng ân của người. Nay Như Lai muốn đền đáp ơn ấy." Nghe xong, người bệnh Tỷ Khư vô cùng kinh ngạc. Như Lai liền chỉ dạy cho những điều lợi hỷ. Người Tỷ Khư vui mừng, và ngay lúc ấy, chứng quả A La Hán đầy đủ Tam minh, Lục thông và tám món giải thoát.

Khi ấy Vua Đế Thích và các quyến thuộc, cùng vô lượng Thiên chúng đều nghi ngờ, liền hỏi : "Tại sao đức Như Lai đã hạ thân vàng ngọc để rửa những vết ung nhọt, đầy máu mủ của người bệnh Tỷ Khư, mà lại bảo là báo ân, thì việc đó ra sao ? Xin Như Lai vì chúng con mà phân biệt giải thích ?"

**Phật bảo Đế Thích và Chư Thiên rằng : "Các ông hãy nghe cho kỹ tôi sẽ vì các ông mà nói các việc kiếp trước".**

**"Này Đế Thích, ở đời quá khứ, cách đây vô lượng A tăng kỳ kiếp, có một ông Vua độc ác, vô đạo, thường hay áp bức, bóc lột dân lành một cách phi lý để đoạt của cải. Ông Vua độc ác này có một người bầy tôi thân tín, tên là Ngũ Bá. Nhà Vua cho Ngũ Bá có toàn quyền trừng trị những người phạm pháp, hoặc thi ân hay gia uy là tùy ở Ngũ Bá, nhưng nếu có lợi lộc đút lót, thì phải chia cho nhà Vua. Cho nên Ngũ Bá thường hay đánh đập phạm nhân ; ai có nhiều tiền của hối lộ thì tha, ai không có tiền đút lót thì đánh đập có khi đến chết và coi đó là việc rất thường.**

"Một hôm có một người Ưu Bà Tắc phạm chút lỗi nhỏ, được giao cho Ngũ Bá tùy ý trừng phạt. Nhưng Ngũ Bá vốn biết người Ưu Bà Tắc là một người hiền lành, phúc hậu, nên không nỡ đánh đập, bèn tha cho, do đó mà người Ưu Bà Tắc được thoát nạn và vui mừng khôn xiết. Kiều Thi Ca nên biết : Ngũ Bá lúc bấy giờ, nay là người bệnh Tỷ Khưu và người Ưu Bà Tắc nay là Như Lai vậy. Cho nên, Bồ Tát trong vô lượng A tăng kỳ kiếp, ơn tuy nhẹ nhưng cũng lo đền đáp, cho đến khi thành bậc Chính Giác mà lòng thường không quên".

Lúc đó Vua Đế Thích và vô lượng thiên chúng hết sức vui mừng, có bốn vạn tám nghìn chư thiên, phát tâm Vô Thượng Chính Đẳng Chính Giác. Phát tâm xong rồi, trời thiên nhạc

cúng dàng Như Lai, đoạn trở về cõi trời.

Phật bảo Ngài A Nan rằng :  
"Nếu người thiện nam, thiện nữ biết ơn, muốn báo ơn, thì phải làm bốn việc sau đây :

1. Phải gần gũi bạn hiền.
2. Phải dốc lòng nghe pháp.
3. Phải suy nghĩ nghĩa lý.
4. Phải đúng như pháp mà tu hành .

Lại có bốn việc nữa sau đây :

1. Theo pháp chứ không theo người.
2. Theo nghĩa, không theo chữ.
3. Theo trí, không theo thức.
4. Theo Kinh liễu nghĩa, không theo Kinh không liễu nghĩa.

Làm theo tám việc ấy gọi là biết ơn.

Nếu lại làm theo tám pháp sau đây mà không nhiệm trước gọi là báo ân :

1. Lợi
2. Suy
3. Hủy
4. Khen
5. Tán Thán
6. Chê bai
7. Khổ
8. Vui

Lại nữa, nếu làm theo bốn việc sau đây thì gọi là biết ơn và báo ơn :

1. Thấy những kẻ độc ác, lòng sinh thương xót, để khởi lòng từ.

2. Thấy những người đau khổ, mắt không thể rời, để khởi tâm thương.

3. Thấy Sư trưởng, cha mẹ, và những bậc có đức, tâm tính vui vẻ, để khởi lòng kính mến.

4. Thấy những người thù oán, lòng không giận tức, để tu phép hỷ xả.

Bấy giờ ngài A Nan sửa lại y phục đến trước Phật bạch rằng : "Bạch Thế Tôn, khi Thế Tôn mới phát tâm Bồ Đề, đã biết ơn, báo ơn mà làm theo bốn việc kể trước, là thế nào ?"

Phật bảo A Nan rằng :

- Ở thời quá khứ, cách đây vô lượng A tăng kỳ kiếp, có một vị Phật, hiệu là Tỳ Bà Thi, Như Lai, Ứng Cúng, Chính Biến Tri, Minh Hành Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Ngài ra đời để giáo hóa cho chúng sinh có duyên với Phật Pháp. Giáo hóa xong, Ngài mới vào Niết Bàn.

Sau khi Chính Pháp và Tượng Pháp của Phật diệt rồi, có một nước gọi là Ba La Nại. Nhân dân giàu có, đất đai phì nhiêu. Vua dùng Chính pháp trị nước, không ức hiếp dân lành. Trong nước có một dãy núi gọi là Tiên Thánh Sơn. Trên núi thường có năm trăm vị Bích Chi Phật và rất nhiều Thần, Tiên. Lại có vô số cầm thú, trong số đó, có con sư tử tên là Kiên Thệ, lông vàng chói lọi, mạnh khỏe lực lưỡng, bề vệ uy nghiêm, khi cất tiếng rống, chim đang bay phải rơi xuống, các thú rừng đều sợ hãi, tìm nơi ẩn núp.

Một hôm sư tử Kiên Thệ đến chỗ khe núi, thấy một vị Bích Chi Phật, thân tướng uy nghi, thanh tịnh. Kiên Thệ thấy, thì lòng vui mừng, không sợ. Rồi từ đó, cứ ngày ngày đến gần để nghe vị Bích Chi Phật tụng

kinh, thuyết pháp. Bấy giờ có người thợ săn, thấy sư tử Kiên Thệ, mình vàng chói lọi, hết sức mừng rỡ, liền tự nghĩ rằng : "Nếu mình bắt được con sư tử kia, lột da đưa dâng nhà Vua chắc sẽ được ban thưởng rất nhiều, bảy đời không phải thiếu thốn. Nhưng sư tử Kiên Thệ là chúa Sơn lâm, cung tên khó có thể bắn nổi, và bẫy rập cũng khó có thể bắt được. Vậy ta phải lập mưu để bắt. Kiên Thệ thường kính mến và gần gũi vị Sa Môn Bích Chi Phật, ta phải giả dạng làm Sa môn, dấu cung tên có tấm thuốc độc dưới lớp Cà sa, rồi từ từ tiến đến ngồi dưới gốc cây kia. Kiên Thệ thấy ta tất sẽ lại gần, lúc đó ta sẽ giương cung bắn, thì chắc cả trăm phần là được".

Nghĩ như thế rồi, liền trở về nói với người nhà rằng : "Tổ



tiên ta đã trải mấy đời làm nghề săn bắn, mà ta chưa từng nghe nói có con thú nào lại có bộ lông vàng chói như thế, huống nữa bây giờ ta được thấy, thì phải bắt cho bằng được." Nói xong, lập tức, cạo đầu, khoác áo Cà sa như đã định trước, rồi trở vào trong núi, ngồi dưới gốc cây. Khi thấy người Tỷ Khưu giả mạo kia, sư tử Kiên Thệ sinh lòng vui mừng, tiến ngay lại gần, liếm chân Tỷ Khưu. Lúc đó, người thợ săn giương cung bắn ngay. Bị trúng tên độc, sư tử gầm thét, kêu rống, muốn vồ lấy người thợ săn mà xé tan thân xác. Nhưng lại nghĩ rằng, đó là một vị Sa Môn, mặc áo hoại sắc là tiêu biểu của Chư Phật, Hiền Thánh. Nếu ta định giết thì chẳng khó gì, nhưng nếu giết người tức là phá hoại cái tiêu biểu của chư Phật, Hiền, Thánh vậy. Nghĩ như thế

rồi, liền nuốt giận chịu khổ. Sau một lúc lâu, vì thuốc độc chạy khắp thân thể, sư tử cảm thấy đau đớn, khó nhẩn, lại định cấu xé người thợ săn. Nhưng lại nghĩ rằng, nếu giết thì không khó, nhưng Chư Phật, Hiền, Thánh sẽ quở trách, hơn nữa người đời sẽ không phân biệt được thiện, ác. Đây là một kẻ ác nhân, mang lòng thâm độc, âm mưu hại ta, nếu ta không nhịn được thì cũng không khác gì kẻ kia. Người tu hành nhẩn nhục, ai cũng kính mến, kẻ không nhẩn nhịn, ai cũng ghét bỏ, vì thế mà càng thêm phiền não tăng trưởng thì sinh tử thêm lên, sinh tử càng tăng thì phải sinh vào những nơi nạn xứ ; sinh vào nơi nạn xứ, thì xa lìa bạn lành, xa lìa bạn lành thì không được nghe Chánh pháp, không được nghe Chánh pháp càng sinh hoài

nghi, hoài nghi càng nhiều thì phải xa lìa đạo Vô Thượng Chính Đẳng Chính Giác, vì thế ta không nên làm ác. Nghĩ như thế rồi, liền nói bài kệ rằng :

Đối với người mặc (áo) pháp

Xin tự nguyện bỏ mình.

Trọn không khởi tâm ác

Đối với người Xuất gia,

Xin tự nguyện bỏ mình,

Trọn không khởi tâm ác.

Nói bài kệ xong, liền vật ra chết. Lúc đó trời đất rung động, cầm thú sợ hãi, bỏ chạy tứ tán, trời xanh mưa máu, mặt nhật lu mờ. Bảy giờ người thợ săn mới cởi bỏ áo pháp, cầm dao lột lấy da đem về. Khi về tới nhà liền đưa dâng vua. Vua thấy vui mừng, mới nói với quần thần rằng : "Ta chưa từng nghe thấy có giống thú nào mà lông lại vàng chói như thế. Vậy mà hôm

nay mắt lại được thấy, thế mới lạ. Vua mới hỏi người thợ săn dùng cách nào mà bắt được da ấy. Người thợ săn tâu Vua rằng :

- Nếu Bệ hạ có tha cho hạ thần, thì hạ thần mới dám tâu.

Nhà Vua nói :

- Cho phép nhà ngươi cứ tự do mà nói.

Người thợ săn bèn thuật lại đầy đủ câu chuyện cho Vua nghe. Nghe xong, Vua thấy lòng ghen ngào, đau đớn, nói chẳng nên lời. Liền triệu tập tất cả quan đại thần và các tiểu vương lại mà tuyên bố rằng : "Các khanh nên biết, ta từng được nghe các bậc trí giả nói rằng, nếu có con thú nào lông mình sắc vàng, tức là vị Bồ Tát hóa thân, vì hết thấy chúng sinh, mở lòng Bồ Đề mà làm việc đại lợi ích. Tại sao ngày nay, tên thợ săn độc ác này dám dùng

quỷ kế để giết hại một vị Bồ Tát ? Nay nếu ta đem quan tước, bổng lộc, voi, ngựa, của báu, cơm áo, tiền tài và tơ lụa mà ban thưởng kẻ ác nhân này, thì tức là ta đã vào hùa với y mà làm việc vô đạo vậy".

Nói xong liền đem người thợ săn ra mà chém đầu. Rồi đem bộ da sư tử vào trong núi, tìm lấy xác chết bọc lấy, và dùng ngưu đầu, chiên đàn chất lên thành giàn mà đốt. Đốt xong thu lấy Xá lợi, xây tháp cúng dàng.

Phật bảo A Nan và đại chúng rằng :

- Các thiện nam tử ! Kiên Thệ sư tử bấy giờ, nay là Như Lai, Thích Ca Văn Phật vậy. Bồ Tát thân cận thiện tri thức như thế biết ơn và báo ơn. Bởi thế Bồ Tát thường được gần gũi thiện hữu, tri thức và chóng thành

**được đạo Vô Thượng Chính  
Đẳng Chính Giác.**

**Thiện nam tử ! Bồ Tát siêng tu, gần thiện trí thức, cầu nghe Chính pháp, cho đến một câu, một bài kệ hoặc một nghĩa để diệt trừ hết thấy phiền não trong ba cõi. Khi Bồ Tát dốc lòng cầu lời Phật dạy, vì khao khát phép màu, nên chẳng tiếc thân mệnh, dù có phải đứng trên sắt nóng, bị lửa thiêu đốt, cũng không lấy thế làm lo. Bồ Tát vì một câu kệ còn chẳng tiếc thân mệnh, huống chi cả mười hai bộ Kinh. Vì một câu kệ mà đến thân mệnh còn không tiếc, huống chi những báu vật khác. Là vì cái lợi nghe pháp làm cho thân tâm được yên vui, sinh ra tín tâm chân chính. Được thấy người thuyết pháp, cũng như thấy cha mẹ, lòng không dám khinh lờn. Vì chúng**

sinh mà dốc lòng nghe pháp, chứ không phải vì lợi lộc ; vì làm lợi cho chúng sinh chứ không phải vì tư lợi. Vì chính pháp mà không sợ mọi nạn khổ, cho đến đói khát, nóng lạnh, hổ lang, ác thú và những việc giặc giã, trộm cướp, hết thấy đều không sợ. Trước phải điều phục lấy mình, diệt trừ tận gốc các phiền não, rồi sau mới nghe pháp. Khi nghe pháp, lòng không rối loạn, cung kính người nói pháp, tôn trọng pháp, thế gọi là Bồ Tát biết ơn, báo ơn.

Thế nào gọi là Bồ Tát dốc lòng nghe pháp ? Nghe pháp có bốn điều :

1. Tâm thành tín.
2. Tâm chuyên chú.
3. Tâm cung kính.
4. Thiện tâm.

Sở dĩ Bồ Tát dốc lòng nghe pháp, cần cầu mười hai bộ Kinh, là vì nhớ nghĩ trọng ân của Phật, muốn cho chính pháp của Phật được lưu bá khắp nơi, muốn làm cho Phật pháp trường tồn mãi mãi ; muốn cho thế gian tin ở Phật pháp, khiến cho hết thấy chúng sinh đều chứng được đạo Vô Thượng Bồ Đề. Thế là Bồ Tát vì nghĩ đến vô lượng chúng sinh ở mười phương, vì đền đáp ơn sâu dày của Phật, cho nên dốc lòng nghe pháp, cần cầu mười hai bộ Kinh.

Tại sao Bồ Tát lại cần cầu Phật pháp ?

- Là vì muốn khiến cho chúng sinh, sinh lòng tin vậy. Cho nên Bồ Tát cần cầu Phật pháp.

Tại sao Bồ Tát phải tìm hiểu Nhân Luận ?



- Là vì muốn hiểu thấu mọi tội lỗi, muốn phá trừ các tà thuyết của ngoại đạo, muốn biết phương tiện để điều phục chúng sinh, muốn phân biệt rõ ý nghĩa của lời Phật dạy để đối trị những lời nói của thế gian. Bởi thế Bồ Tát phải tìm hiểu Nhân Luận.

Tại sao Bồ Tát phải tìm hiểu Thanh Luận ?

- Là vì muốn cho lời nói được thanh tịnh trang nghiêm. Nếu lời nói không thanh tịnh thì không thể giải thích rõ ràng mọi ý nghĩa, vì muốn hiểu biết hết thấy mọi nghĩa lý để làm cho chính pháp khỏi bị tổn hại ; để diệt trừ lòng kiêu mạn của người khác và phá tan mọi tà kiến. Vì muốn biết phương tiện để điều phục chúng sinh, bởi thế mà Bồ Tát phải tìm hiểu Thanh Luận.

**Tại sao Bồ Tát phải tìm hiểu các phương thuốc ?**

- Là vì muốn khiến cho chúng sinh thoát khỏi tứ bách tứ bệnh, xa lìa các điều ác ; vì thương xót hết thấy chúng sinh vì muốn cho chúng sinh sinh lòng tin tưởng để tránh mọi khổ đau cho lòng được yên vui. Khi lòng đã được yên vui thì thường nhớ nghĩ đến tâm đại bi cứu độ chúng sinh của Phật. Bởi thế mà Bồ Tát tìm hiểu mọi phương thuốc.

**Tại sao Bồ Tát phải tìm hiểu các học thuật thế gian ?**

- Là vì muốn làm lợi ích cho chúng sinh một cách dễ dàng. Là vì nếu hiểu suốt các học thuật thế gian thì rất dễ phá trừ lòng kiêu mạn của mọi người để điều phục họ, khiến cho họ sinh lòng chính tín, trừ bỏ các tà kiến và chấp trước.

Bởi thế mà Bồ Tát phải tìm hiểu các học thuật thế gian. Nếu Bồ Tát nào không chịu cầu học năm việc ấy thì không thể chứng được đạo Vô Thượng Bồ Đề. Vì muốn được đạo Vô Thượng Bồ Đề mà Bồ Tát phải cầu năm việc ấy.

Bồ Tát ghi ơn, trả ơn là vì chúng sinh mà nói. Nhưng nói việc gì ? Và nói cách nào ?

- Nói việc gì là nói mười hai bộ Kinh vậy. Còn nói cách nào là phải thông thạo năm việc kể ở trên. Vì muốn chứng được đạo Vô Thượng Bồ Đề cho nên phải nói theo hai cách :

1. Nói Pháp theo thứ lớp ;
2. Nói Pháp Thanh Tịnh.

Nói Pháp theo thứ lớp là : Trước phải nói bố thí, kế nói trì giới v.v... cho đến Trí tuệ. Nếu muốn ghi ơn, đền ơn, thì phải

suy nghĩ nghĩa lý, rồi như Pháp mà tu hành. Thế gọi là nói Pháp theo thứ lớp.

Nói Pháp Thanh Tịnh là : Nếu người nghe thì ngồi mà, người nói lại đứng, thì không nên nói Pháp. Nếu người nghe cố tìm những lỗi của Pháp và của người nói Pháp, thì cũng không nên nói Pháp. Nếu người nghe căn cứ vào người nói mà không căn cứ vào Pháp, thì cũng không nên nói Pháp. Nếu người nghe chấp theo chữ mà không y theo nghĩa, thì cũng không nên nói Pháp, cho đến người nghe không y theo Kinh liễu nghĩa thì cũng không nên nói Pháp. Tại sao vậy ? Là vì những người ấy không biết cung kính chư Phật, Bồ Tát, và Pháp Thanh Tịnh. Nếu người nói Pháp biết tôn trọng Pháp và những người nghe Pháp

cũng biết sùng kính, dốc lòng nghe Pháp, không sinh tâm khinh nhờn, thế gọi là nói Pháp Thanh Tịnh.

Lại nữa, nói Pháp theo thứ lớp là nói hết thấy các Pháp. Nói hết thấy các Pháp nghĩa là nói mười hai bộ Kinh cho đến một câu, một bài kệ hay nửa bài kệ, trong đó tùy theo lời nói, ý nghĩa và phương pháp để tùy cơ phương tiện trình bày, chỉ giáo lợi ích cho mọi người. Cũng có khi phải dùng lời quở trách, có lúc nên nói thẳng, cũng có khi cần phải thí dụ, cứ tùy chỗ nên nói, hoặc nói thiển cận cho người nghe dễ hiểu, cứ tùy theo chỗ người ta muốn nghe, dùng phương tiện mà nói Pháp, thế gọi là Bồ Tát biết ơn và đền ơn, theo thứ lớp mà nói Pháp.

Nói Pháp Thanh Tịnh là : các bậc đại Bồ Tát đối với những

việc oán ghét phải tu tập lòng từ. Khi đã được lòng từ rồi, dùng mọi phương tiện để nói Pháp cho những người độc ác, những người đông dờ cho đến những kẻ ham đắm dục lạc, tâm hồn phóng túng, và những người nghèo cùng, khiến cho họ đều cùng được tỉnh ngộ, đừng vì khen mình chê người, đừng vì ăn uống, lợi lộc và danh vọng. Thế gọi là Bồ Tát biết ơn và đền ơn mà nói Pháp Thanh Tịnh. Theo đúng như Pháp mà tu tập các điều thiện, diệt trừ ba nghiệp, đầy đủ Thanh Tịnh, ghi ơn đền ơn để trang nghiêm đạo Vô Thượng Bồ Đề. Nếu các bậc đại Bồ Tát muốn nhớ ơn để trả ơn thì phải suy nghĩ giáo nghĩa, học rộng, nghe nhiều để thông suốt hết thấy để nêu cao ngọn đuốc Phật pháp. Nếu muốn làm lợi ích cho hết thảy chúng sinh, thì phải tu các

Pháp bố thí, trì giới v.v... lại phải cúng dàng những người nói Pháp, không tìm lỗi của Pháp và của người nói Pháp, không mang lòng ác hại, đem sự yên vui cho mọi người, thế gọi là biết ơn. Sau khiến cho cả mình và người được hưởng phúc báo ở cõi người và cõi trời, cho đến khi chúng được đạo quả Niết Bàn, thế gọi là báo ơn.

Lại nữa Bồ Tát phải theo bốn phép để tu hạnh nhẫn nhục, diệt trừ lòng bất nhẫn, trang nghiêm đạo Bồ Đề :

1. Khuyên hết thảy chúng sinh tu hạnh nhẫn nhục.

2. Tự mình nhẫn và dạy người khác nhẫn để xa lìa sự sợ hãi, thế gọi là biết ơn.

3. Nhờ sự nhẫn nhục nên không sinh lòng giận hờn, không làm hại ai, không phải chịu khổ não nên không lòng ân hận.

4. Sau khi bỏ thân này, được hưởng phúc báo ở cõi người và cõi trời, cho đến chứng được đạo quả Niết Bàn, thế gọi là báo ơn.

Này các thiện nam tử ! Bồ Tát lại theo bốn việc mà siêng tu tinh tiến để diệt bỏ tính lười biếng, trang nghiêm đạo Bồ Đề:

1. Khuyên hết thấy chúng sinh vì đạo Bồ Đề mà siêng tu tinh tiến.

2. Xa lìa mọi phiền não, tăng trưởng các pháp lành cho thân được yên vui, thế là tự lợi.

3. Bồ Tát tinh tiến, không làm phiền chúng sinh, đánh đập, chửi rủa, thế là lợi tha.

4. Bỏ thân này rồi, được hưởng phúc báo ở cõi người, cõi trời, mình được yên vui, cho đến được đạo Bồ Đề, thế là được đại quả báo.



Lại nữa, Bồ Tát theo bốn việc mà tu phép định để phá trừ tâm tán loạn, trang nghiêm đạo Bồ Đề:

1. Khuyên hết thấy chúng sinh vì đạo Bồ Đề mà tu Thiên định.

2. Đời này được yên vui, thân tâm vắng lặng, thế gọi là biết ơn.

3. Vì thân tâm vắng lặng, nên không làm phiền chúng sinh, thế gọi là biết ơn, đền ơn.

4. Bồ Tát bỏ thân này rồi, được thân thanh tịnh, yên ổn vui vẻ, chứng được Niết Bàn, thế là Bồ Tát theo bốn việc mà tu Thiên định.

Lại nữa, Bồ Tát biết ơn, đền ơn, cũng phải theo bốn việc mà thành tựu trí tuệ để phá trừ vô minh, trang nghiêm đạo Bồ Đề:

1. Dùng pháp Tứ Nhiếp dạy bảo chúng sinh, vì đạo Bồ Đề, tu hành trí tuệ.

2. Vì hiểu thấu "tính", "tướng" của các pháp, nên mình được yên vui, thế là tự lợi.

3. Có thể giúp chúng sinh về các việc thế gian và xuất thế gian, thế là lợi tha.

4. Có thể tiêu trừ được hai cái chướng phiền não và trí tuệ phàm phu, thế là được quả báo lớn. Như vậy gọi là biết ơn, đền ơn. Đó là Bồ Tát theo bốn việc mà tu trí tuệ không thể nghĩ bàn.

Lại nữa, Bồ Tát dùng trí tuệ kiếp trước, biết được các việc kiếp trước, hiểu suốt các nghiệp của chúng sinh, dù thiện hay ác, cũng đã đến ngày được hưởng một duyên lành. Cho nên Bồ Tát, vì muốn làm lợi ích cho hết thấy chúng sinh, đã dùng đại phương tiện, từ cung trời Đâu Suất, đầy đủ thọ mệnh, có ba điều tối thắng :

1. Thọ mệnh hơn hết ;
2. Đẹp đẽ hơn hết ;
3. Danh thơm hơn hết ;

Khi mới giáng sinh, phóng ra những tia sáng lớn, chiếu khắp mười phương và đã biết trước giờ phút ra đời ngay từ khi mới thụ thai. Lúc vừa sinh ra, đã đi bảy bước, không phải dìu dắt và tự nói rằng : "Kiếp này là kiếp sau chót của ta." Bảy giờ, Chư Thiên, Quỷ, Thần, Càn Thát Bà, A Tu La, Ca Lâu La, Khẩu Na La, Ma Hầu La Già dâng các thứ hoa, hương, trống ca nhạc và treo phan, phướn cúng dàng. Bồ Tát có ba mươi hai tướng, đẹp đẽ trang nghiêm, không ai hơn được ; thân thể khỏe mạnh, khí lực đầy đủ, dùng sức từ thiện, dẹp chúng ma quân. Khi lên bảy tuổi, không học thế sự mà hiểu biết hết thấy, học không cần

## thầy, tự tu mà chứng đạo Vô Thượng Chính Đẳng Chính Giác

Sau khi thành đạo, Phạm Thiên khuyến thỉnh chuyển bánh xe pháp, tế độ chúng sinh. Khi nhập đại định thì dù cho sấm sét cũng không lay chuyển. Các loại thú vật, thường đến gần gũi, mền như mền cha mẹ ; súc vật dâng các thức ăn. Phật hiểu lòng mình, linh thần tuôn mưa, tắm gội thân thể, cây rủ cành lá, che rợp khắp mình. Trong sáu năm tu khổ hạnh, Ma thường tìm kiếm mà không thấy một lỗi lầm. Thường ngồi thiền định, thành tựu được sáu tâm niệm, để hiểu biết các giác quan có lúc khởi, lúc diệt. Đó là điểm bất khả tư nghị của Bồ Tát giống với chúng sinh. Còn điểm khác với chúng sinh, là Bồ Tát làm lợi ích cho hết thấy mọi

loài chúng sinh, như người điên được thấy Như Lai thì trở lại bản tâm, người mù được thấy, người điếc được nghe, người sinh ngược trở lại thuận và những tính tham, sân, si đều trừ diệt. Đó là chỗ bất khả tư nghị của Bồ Tát khác với chúng sinh.

Lại nữa, tuy cũng sinh ra như chúng sinh, nhưng chỗ hành động của Như Lai không thể nghĩ bàn : Như Lai thường nằm nghiêng bên phải, như sư tử vương, dù cỏ hay lá cũng không làm động loạn được, gió cuốn, bão táp mà y phục không lay động. Khi cất chân đi, như sư tử vương và Bạch Nga Vương. Nếu lúc muốn đi, bao giờ cũng bước chân phải trước, những chỗ đi qua, đều bằng phẳng không còn cao thấp. Khi ăn xong, không còn sót một hạt cơm ở miệng.

**Đó là chỗ "Cộng sinh" bất khả tư nghị của Như Lai.**

**Lại nữa, tuy cũng sinh như chúng sinh, nhưng Như Lai có ba mươi hai tướng không thể nghĩ bàn :**

- 1. Bàn chân bằng phẳng ;**
- 2. Bàn chân có nghìn xoáy ốc;**
- 3. Ngón tay dài và nhỏ ;**
- 4. Gót chân đầy đặn ;**
- 5. Ngón tay có nhiều vân ;**
- 6. Chân tay mềm mại ;**
- 7. Bụng tròn trĩnh, đầy đặn như bụng kim sắc lộc vương ;**
- 8. Mắt cá chân bằng phẳng;**
- 9. Tay dài tới đầu gối ;**
- 10. Năm căn ẩn kín, như tượng, mã vương ;**
- 11. Mình tròn trặn, đầy đặn như cây Ni Câu Đà ;**

12. Lông trong mình đều nghiêng lên phía trên ;
13. Lông đều xoáy theo bên phải ;
14. Thân mình sắc vàng ;
15. Thường chiếu sáng cách thân tám thước.
16. Lớp da mịn màng, không dính bụi bặm ;
17. Bảy chỗ đầy đặn, bằng phẳng ;
18. Nửa mình trên như mình sư tử ;
19. Cánh tay tròn lẳn ;
20. Xương ngực bằng phẳng ;
21. Thân hình vạm vỡ
22. Trong miệng có bốn mươi răng ;
23. Răng nhỏ khít và rất đều ;
24. Răng trắng như ngà ;
25. Hàm vuông như hàm sư tử ;

26. Khi ăn thấy hương vị thượng hảo ;
27. Đỉnh trên trán nhô lên thành tướng nhục kế ;
28. Lưỡi dài và rộng ;
29. Tiếng như tiếng Phạm Âm ;
30. Sắc mắt xanh biếc ;
31. Mắt như mắt ngư vương ;
32. Khoảng giữa lông mi có một sợi lông dài và trắng.

Như thế cho đến tám mươi vẻ đẹp không thể nghĩ bàn. Mỗi mỗi tướng tốt lại có vô lượng trăm nghìn vẻ đẹp huyền diệu. Mỗi một tướng tốt đều là kết quả của sự tu diệu hạnh của Bồ Tát từ lúc mới phát tâm Bồ Đề kiên cố cho đến khi được thành đạo Vô thượng Bồ Đề.

Phật lại nói : "Như Lai đã từng trong vô lượng A tăng kỳ kiếp dốc lòng tu trì tịnh giới,



cho nên nay mới được cái tướng bàn chân bằng phẳng. Nhờ sự cúng dàng cha mẹ, Hòa Thượng Sư Trưởng và các bậc có đức, cho nên được tướng nghìn xoáy ốc dưới bàn chân. Đối với chúng sinh không mang lòng làm hại, không có ý tưởng cướp đoạt, hề thấy cha mẹ, Hòa Thượng, Sư Trưởng và những bậc có đức, thì ra xa đón chào, sửa đặt tòa ngồi, cung kính lễ bái, dẹp bỏ lòng kiêu mạn, nhờ thế mà nay được tướng ngón tay dài và nhỏ. Có đủ ba hạnh kể trên, nên được tướng gót chân dày dặn. Nhờ dùng Tứ nhiếp pháp giúp đỡ chúng sinh, nên được tướng ngón tay có nhiều vân. Dùng các thứ dầu thơm tắm gội cho cha mẹ, Sư Trưởng và các bậc có đức, nhờ thế mà được tướng chân tay mềm mại. Nhờ công tu tập các pháp lành, không biết chán mỏi, nên được tướng bụng

tròn trặn, đầy đặn. Nghe pháp vui vẻ, thích nói lại cho người khác nghe, và ưa làm việc đạo, nhờ thế mà được tướng mắt cá chân bằng phẳng. Nhờ ba nghiệp thanh tịnh, khám bệnh cho thuốc, phá trừ lòng kiêu ngạo, ăn uống có chừng mực, nên được tướng tay dài bằng gối. Thấy người ta chia rẽ, dùng lời nói khéo cho người ta đoàn tụ với nhau ; biết tự tu hổ thẹn, lại dạy người tu, nhờ thế mà được tướng năm căn ẩn kín. Tự mình tu sạch ba nghiệp, lại dạy người khác tu, nếu chúng sinh nào đau ốm, thì tìm cách chạy chữa, như thế mà được tướng thân mình tròn lẳn. Nhờ lòng vui vẻ nghe pháp, lại hay nói lại cho người khác nghe, mà được tướng lông trong mình đều hướng lên phía trên. Suy nghĩ ý nghĩa sâu xa của các pháp, ưa tu các pháp lành, cúng dàng

cha mẹ, Sư Trưởng và những bậc có đức ; nếu đi dọc đường gặp pháp, hoặc tăng phòng đều cúng dàng, giữa đường nếu có gạch đá, gai góc hay vật bẩn thì dọn đi, nhờ thế mà được coi tướng lông trong mình đều xoáy về bên phải. Nếu đem thức ăn hoặc đồ châu báu cho người, thì không bao giờ sinh lòng sân hận, nhờ thế mà được hai tướng : một là sắc vàng, hai là thường có ánh sáng và lại được tướng da mình mịn màng, không dính bụi nhơ. Thường giúp cho người những thứ cần dùng, nhờ thế mà được tướng bảy chỗ đầy đặn. Tự mình dẹp bỏ tính kiêu mạn, biết điều hòa tính tình, tùy theo sở thích của mọi người, như pháp tu hành để diệt các điều bất thiện và tăng trưởng các pháp lành, nhờ thế mà được tướng nửa mình trên như mình sư tử, tướng cánh tay

tròn lẳn và tướng xương ngực bằng phẳng, tướng ngón tay nhỏ và tướng thân hình đầy đặn. Nhờ không nói lời hai chiều và làm cho những người tranh giành phải hòa thuận mà được tướng có 40 răng, tướng răng khít không hở kẽ, tướng răng bằng nhau, đều đặn. Nhờ tu các nghiệp từ bi, thiện lạc mà được tướng răng trắng như ngà. Thấy người thiếu thốn, vui vẻ giúp đỡ, đón đưa, nhờ thế mà được tướng hàm vuông như hàm sư tử, coi hết thấy chúng sinh như một người con, vì thế mà được tướng ăn thức gì cũng thấy mùi vị thượng hảo, thường bố thí chúng sinh pháp vị Vô thượng, gặp người hay quên thì cho trí nhớ, tự mình giữ năm giới, lại dạy người cũng giữ tu tập lòng từ, hay bố thí pháp cho mọi người, nhờ nhân duyên ấy mà được tướng nhục kế, tướng

lưỡi dài rộng, cứ như thực mà nói pháp cho mọi người vui mừng, nói những lời êm ái, dịu dàng, không đúng giờ không nói, do đó mà được tướng tiếng Phạm Âm. Chưa góp lòng thương, coi hết thấy chúng sinh như cha mẹ, nhờ nhân duyên ấy mà được sắc mắt xanh biếc, và tướng mắt như mắt ngư Vương, thấy những người có đức, thành thật tán thán, do đó mà được tướng bạch hào.

Đó là ba mươi hai tướng, tuy có những nhân duyên khác nhau, nhưng nhân duyên chính là cái nhân "trì giới" và "tinh tiến". Tại sao vậy ? Vì nếu không chịu trì giới, và siêng tu tinh tiến, thì đến thân người còn chẳng được làm, nói chi đến ba mươi hai tướng ?

Lại nữa, phạm đã làm việc thì lòng nhất định không hối

hận, nhờ thế mà được tướng bàn chân bằng phẳng. Và khi làm việc thì dốc lòng làm, do đó mà được tướng nghìn xoáy ốc dưới bàn chân, tướng ngón tay có nhiều vân, tướng bảy chỗ bằng phẳng tướng da mịn màng, tướng thân thẳng và tròn, tướng lưỡi dài rộng. Thường tu các pháp thiện và dạy người khác tu, cho nên được tướng ngón tay dài nhỏ ; tướng tay chấm gối ; tướng thường phát ánh sáng cách xa tám thước và tướng răng khít, không thừa hở. Nhờ công phu tu sạch ba nghiệp nên được các tướng khác.

Lại nữa, đối với chúng sinh, sinh tâm thuần thiện, nhờ nhân duyên ấy được tướng tay chân mềm mại, da thịt mịn màng, bụi nhơ không bám. Vì theo thứ lớp và thời tiết mà tu tập các pháp lành, cho nên được tướng thứ

hai, thứ ba, và thứ tư. Ưa làm điều lành, lòng không chán nản, nhờ nhân duyên ấy mà được tướng thân sắc vàng ; tướng thân thường sáng ; tướng răng trắng ; tướng giữa khoảng lông mi có sợi lông trắng. Nếu nghe người ta ca ngợi đức tính của mình không sinh lòng kiêu mạn, giấu giếm việc lành không cho người khác biết, nhờ nhân duyên ấy mà được tướng má tàng. Phàm tu các việc lành đều hồi hướng cho đạo Bồ Đề, vì thế mà được tướng lông trong mình đều hướng lên phía trên và đều xoay theo bên phải ; tướng trong miệng có 40 chiếc răng ; tướng khi ăn thấy mùi vị thượng hảo. Nhờ nhân duyên siêng tu tinh tiến, nên được tướng hàm vuông như hàm sư tử ; tướng nửa mình trên như mình sư tử. Dốc lòng thương nhớ hết thấy chúng sinh, như

mẹ thương con, nhờ nhân duyên ấy mà được tướng răng nhỏ và bằng phẳng, tướng mắt xanh biếc như mắt Ngưu Vương. Nhờ tu tập các pháp lành không biết chán nản, cho nên được các tướng khác.

Các bậc đại Bồ Tát, khi y vào tịnh hạnh mà tu ba mươi hai tướng tốt, khi các nghiệp đã được thanh tịnh, tuy có ba mươi hai tướng tốt như thế nhưng chưa đầy đủ, chưa được hoàn toàn trong sáng. Bồ Tát còn phải tu theo mười ba hạnh để thấu suốt đầy đủ hết thảy các pháp của Phật. Trong vô lượng tướng, chúng sinh không giống nhau, có Thượng, Trung và Hạ không thể nghĩ bàn. Bởi thế Phật nói, trong ba mươi hai tướng, đem công đức tích góp hợp của hết thảy chúng sinh mà so sánh thì mới chỉ bằng cái



tướng máy lông của Như Lai. Hết thảy các lỗ chân lông đều có công đức, chứa góp hòa hợp mà thành một vẻ đẹp, rồi tập hợp công đức của tám mươi vẻ đẹp, tăng gấp trăm lần mới thành một tướng. Duy có hai tướng Bạch hào và Nhục kế thì phải tập hợp hết thảy các tướng khác, tăng đến nghìn lần mới thành được hai tướng đó. Bởi đem hòa hợp hết thảy công đức, đem hết công đức của ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp tăng lên nghìn vạn ức lần mới thành được cái tướng Lô âm của Như Lai, mà âm vang xa thẳm đến vô lượng vô biên thế giới của chư Phật nhiều như vi trần cũng đều nghe thấy. Vì làm lợi ích cho chúng sinh mà Bồ Tát tu hạnh đại từ bi, nhớ ơn đền ơn, tu tập các pháp sâu xa màu nhiệm, khó thể nghĩ bàn và các tướng tốt vi diệu như

thế. Trong mỗi tướng có thể làm lợi ích cho vô lượng trăm nghìn vạn ức chúng sinh, khiến cho đều mở lòng Bồ Đề, lần lượt tu tập, đầy đủ công đức, cho thành được ba mươi hai tướng tốt đẹp. Khi có đủ các tướng tốt đẹp rồi, đều khiến đi đến gốc cây Bồ Đề, hàng phục ma quân chứng thành Phật quả, quay bánh xe Chính Pháp, độ cho chúng sinh qua khỏi bể khổ, ngu si, sinh tử mà lên bờ giác ngộ, giải thoát yên vui để thành tựu công việc lợi ích cho hết thảy chúng sinh.

Phật bảo Ngài A Nan, hết thảy đại chúng và các bậc đại Bồ Tát rằng : "Các thiện nam tử ! Các ông ai có thể thường nhớ ơn của Phật, hộ trì Chính pháp, biên chép đọc tụng kinh Đại Phương Tiện Phật Báo Ân sâu xa vi diệu này ? Ai có thể ở

đời ác trước sau này, phát tâm đại tinh tiến thụ trì ủng hộ đạo Vô thượng Chính Đẳng Chính Giác ? Ai có thể hộ pháp, truyền bá Kinh này để làm lợi ích cho hết thảy chúng sinh ?"

Bấy giờ trong đại hội có một vạn tám nghìn vị đại Bồ Tát, đều từ chỗ ngồi đứng dậy sửa lại y phục, để hở vai áo bên phải, đầu gối bên phải quỳ sát đất, chắp tay cung kính mà bạch Phật rằng : "Bạch Đức Thế Tôn, trong đời ác trước sau này chúng con đều có thể thụ trì ủng hộ đạo Vô Thượng Chính Đẳng Chính Giác ; đều có thể hộ trì Chính pháp và giáo hóa chúng sinh.

Lúc đó Bồ Tát Sư Tử lại nói rằng : "Bạch đức Thế Tôn, con cũng có thể dùng mọi phương tiện để giúp đỡ chúng sinh". Bồ Tát Kim Cương nói : "Bạch đức

Thế Tôn, nếu chúng sinh sắp sa vào ba đường dữ con có thể ngăn lại, khiến cho khỏi sa đọa." Bồ Tát Văn thù Sư Lợi nói : "Bạch Đức Thế Tôn, nếu có chúng sinh cầu tu các thiện pháp, con có thể khiến cho hết thấy đều đầy đủ như ý." Bồ tát Trí Tràng nói : "Con có thể cho chúng sinh được trí lớn". Bồ Tát Pháp Trang nói : "Bạch Đức Thế Tôn con có thể lấy pháp mà bố thí khắp cho chúng sinh". Bồ Tát Nhật Quang nói : "Bạch Đức Thế Tôn, con nguyện đem sự yên vui mà bố thí chúng sinh." Bồ Tát Nguyệt Quang nói : "Bạch Đức Thế Tôn, con có thể giáo hóa hết thấy chúng sinh, khiến tu phúc thiện". Bồ Tát Thiện Hộ nói : "Bạch Đức Thế Tôn, con có thể giáo hóa hết thấy chúng sinh, khiến không buông lung." Bồ Tát Vô Tận Ý nói : "Bạch Đức Thế Tôn, con có

thể giáo hóa hết thảy chúng sinh, khiến cho thấy rõ "tính", "tướng" của vô tận pháp giới." Bồ Tát Nguyệt Thượng nói : "Bạch Thế Tôn, con có thể bố thí chúng sinh điều yên vui không gì hơn".

Như thế, các vị Bồ Tát lần lượt tự lập thệ nguyện vi diệu để trang nghiêm đạo Bồ Đề, làm lợi ích cho hết thảy chúng sinh. Vì muốn nhớ ơn Phật và muốn đền đáp ơn Phật, nên từ chỗ ngồi đứng dậy, hồ quỳ, chấp tay mà bạch Phật rằng : "Xin Đức Thế Tôn đem Kinh này giao phó cho hàng Bồ Tát chúng con."

Bấy giờ Ngài A Nan bạch Phật rằng : "Bạch Đức Thế Tôn, Kinh này nên đặt tên là gì và phụng trì như thế nào ?"

Phật bảo Ngài A Nan :

- Kinh này gọi là Kinh "Nhiếp Chúng sinh Thiện Bản", cũng

gọi là "Đại Phương Tiện", cũng gọi là "Vi Mật Hạnh", cũng gọi là "Phật Báo Ân".

Phật bảo Ngài A Nan và các bậc đại Bồ Tát rằng : "Các ông phải như thuyết mà tu hành."

Khi Phật nói phẩm Chúc Lũy này có bảy vạn, hai nghìn vị Thanh Văn phát tâm Vô Thượng Bồ Đề. Hết thấy chư Thiên, Long, Quỷ, Thần, Kiên Thác Bà, Khẩn Na La, Ma Hầu La Già, Nhân, Phi Nhân, và đại chúng, nghe Phật thuyết pháp, vui mừng vâng theo.



NAM MÔ ĐẠI BÁO AN HỘI THƯỢNG  
PHẬT BỒ TÁT, MA HA TÁT (BA LẦN)



**HỘ PHÁP**